

XẺ NỬA VẰNG TRẮNG

Xẻ nửa vầng trăng lại chốn này
Nửa theo người tận cuối chân mây
Chiều phai chưa vội cơn sầu lắng
Đêm xuống thêm dân nỗi nhớ đầy
Nhấn phím đàn buồn tim héo hắt
Sôi gương môi đọng nét hao gầy
Gió khuya xào xạc ngoài song cửa
Đất vội trầm hương nghe mắt cay.

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

(Boston 01/07/2009)

Họa

TRĂNG ĐẤT KHÁCH

Ngàn năm trăng vẫn bóng trắng này
Cõi tạm đi về cảnh nước mây
Đất khách mệnh mang sầu diệu vội
Trời quê mù mịt nhớ thương đầy
Tro tàn, bếp lạnh chiều đông giá
Trăng ngậm sương khuya vóc liễu gầy
Gối mộng u hoài mơ cố quận
Giật mình trở giấc mắt cay cay!

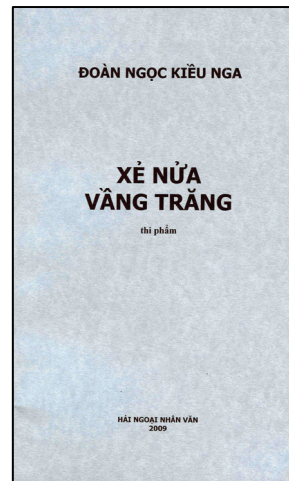
HỒ CÔNG TÂM

(Austin 01/08/09)

TRĂNG THU BÀNG BẠC

Trăng Thu trái kín đôi mơ
Ánh trắng bàng bạc ảo mờ không gian
Mây lênh đênh gió lang thang
Tơ tình vương vấn từ ngàn năm xưa
Đường đời qua những nắng mưa
Hắt hiu một bóng cũng vừa phận tôi
Tình thơ để lỡ mất rồi
Trăm năm mộng hảo thì thôi bể bàng
Lối xưa hoa nắng rộn ràng
Bây giờ lối cũ lá vàng rụng rơi.

QUỲNH ANH (Virginia)



Liên lạc:
HẢI NGOẠI NHÂN VĂN
P.O. BOX 91122
AUSTIN, TX 78709

Yêu một lần đi

Thơ : Dương-Đình-Hưng
Nhạc : Nguyễn Tường-Vân
Hòa-âm : Đặng-Vũ Khánh

F Slow-Rock

The musical score is written in treble clef with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a common time signature (C). It consists of six staves of music. The first staff begins with a treble clef, a key signature of three sharps, and a common time signature. The tempo is marked 'Slow-Rock' and the key signature changes to F major. The second staff starts with a measure rest, followed by notes for 'Em cứ yêu, yêu một lần đi, Yêu một lần'. The third staff continues with 'đi cho biết hương đời, Yêu một lần thôi, yêu'. The fourth staff has 'đi, yêu cho má hồng tươi, Em cứ yêu, yêu một lần'. The fifth staff contains 'đi, Yêu một lần đi cho thấm xuân đời, Yêu'. The sixth staff concludes with 'một lần thôi Yêu đi, cho đời rộn rã tiếng cười' and 'Vào cung điện tình yêu, dệt ân tình nên'. Chord symbols are placed above the notes: F, A#, Cm, F, D#, Cm, Gm, F, F7, A#, Gm, Cm, F, D#, Cm, F, A#, D#, A#, A#, A#7.

Em cứ yêu, yêu một lần đi, Yêu một lần
đi cho biết hương đời, Yêu một lần thôi, yêu
đi, yêu cho má hồng tươi, Em cứ yêu, yêu một lần
đi, Yêu một lần đi cho thấm xuân đời, Yêu
một lần thôi Yêu đi, cho đời rộn rã tiếng cười
Vào cung điện tình yêu, dệt ân tình nên

15 *D# Cm F A#*
thiếu, Tình yêu, như sóng muôn chiều, ! Tình tan vào sương

18 *Dm A#7 D# Cm F A# D#*
khói, người vui niềm vui mới, em ơi, yêu thử một lần thôi

21 *A# F A# Gm*
! Em cứ yêu, yêu một lần đi, Cho dù mai

23 *Cm F D#*
dây ta sẽ chia lìa, Yêu một lần thôi, yêu

25 *Cm Gm F F7*
đi, yêu cho đắm tình si, Em cứ yêu, yêu một lần

28 *A# Gm Cm F*
thôi, yêu một lần thôi trong phút huy hoàng, Cho

30 *D# Cm F A#*
dù thời gian ly tan, kỷ niệm còn mãi không tàn !



ĐƯỜNG ĐI KHÔNG MỎI

ĐỖ BÌNH

Tôi phải bắt đầu như thế nào khi viết về một người mà tôi quá thân và quý trọng về nhân cách lẫn tài năng. Tôi định sau này dành thời gian sẽ viết về những khuôn mặt làm văn hóa mà tôi đã may mắn được quen biết. Hôm nay sau khi đi thăm bà, nhìn hình dáng như vầng trăng khuyết, sắp tàn, do tuổi đời đã gần chín mươi. Thấy bà đang cặm cụi trên những bản tranh, những trang bản thảo thơ mà lòng tôi trào dâng xúc động! Có lẽ bà đang cố chống chọi với thời gian để hoàn thành tác phẩm cuối đời. Do đó tôi quyết định viết về người nữ sĩ này mà chẳng đợi về sau, như một món quà mang chút ân tình tri ngộ. Tôi còn nhớ bài thơ bà viết tặng tôi đã lâu, đó là một đồng cảm về tình quê hương:

*" Ngàn dặm cách biệt cố hương,
Tình quê u uẩn nhớ thương nào nề.
Thu đông mấy bận đi về
Hoài trông non nước u ê cõi lòng. "*
Thanh Hương Các, Ba Lê 1997
(Minh Châu)

Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh là một khuôn mặt quen thuộc trong giới sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam tại Paris và hải ngoại. Bà cùng nhà thơ

Phương Du là những cột trụ của Ba Lê Thi Xã do giáo sư Cao Văn Chiêu và luật gia Nguyễn Xuân Nhân đồng sáng lập, một hội quy tụ nhiều trí thức khoa bảng, như giáo sư đại học, bác sĩ, luật gia học giả, dịch giả...vv..nhưng có tâm hồn thơ nên có nhiều người đã thành danh trong làng thơ ngày trước và hiện nay. Nhiều người đã khuất như: nhà thơ Đào Trọng Đủ, nhà thơ Hương Bình Cao văn Chiêu, nhà thơ Hàm



Nữ Sĩ Minh Châu
Thái Hạc Oanh

Thạch Nguyễn Xuân Nhân, nhà thơ Bằng Văn Trần Văn Bằng, nhà thơ Đoàn Đức Nhân, Nhà thơ Huỳnh Khắc Dụng, nhà thơ Lương Giang Phạm Trọng Nhân, nhà thơ Phượng Linh Đỗ Quang Trị, nhà thơ Nguyễn Thường Xuân, nhà thơ Việt Hoài, nữ sĩ Liên Trang Phạm thị Ngoạn (Ái nữ cụ Phạm Quỳnh), nữ sĩ Thanh Liên. Những người còn sống như: Nhà thơ Song Thái Phạm Công

Huyền (ngoài cứu tân), nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nữ sĩ Quỳnh Liên Công Tăng Tôn Nữ Quỳnh Liên, nữ sĩ Phạm Thị Nhung, nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà thơ Khuê Trai Vũ Quốc Thúc, nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu, nhà thơ Hương Giang Thái Văn Kiểm, nhà thơ Hoài Việt Nguyễn Văn Hương, nhà thơ Hồ Trọng Khôi, nhà thơ Đỗ Bình (ít tuổi nhất)..vv..

Nữ sĩ là một trong những người tích cực nhất trong hội chăm lo vườn thơ. Sự

nghệ văn học nghệ thuật của bà trải dài hơn nửa thế kỷ qua những tác phẩm mà chủ đề luôn gắn bó giữa quê hương và tình yêu, bằng ngôn ngữ sắc màu tạo hình. Những tác phẩm tranh lụa đã đưa tên tuổi của Minh Châu Thái Hạc Oanh vào vị trí tầm vóc hàng đầu trong nền nghệ thuật nước nhà. Bà là giáo sư các trường trung học kỹ thuật Sài Gòn, và cùng bà Trương Thị Thịnh trước năm 1975 là hai nữ họa sĩ và giáo sư chính thức giảng dạy trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật. Năm 1971 bà triển lãm tranh lụa tại Đại Hàn và Nhật Bản. Năm 1972 đã trưng bày một cuộc triển lãm tranh lụa và sơn dầu tại Alliance Française Sài Gòn, bức tranh Tứ Đức được ông Nguyễn Tấn Đồi cựu dân biểu VNCH, cựu chủ tịch phòng thương mại Sài Gòn, chủ tịch tổng giám đốc Tín Nghĩa ngân hàng mua với giá 500.000 đồng để tặng bà vợ. Bức tranh Sắc Sắc Không Không đã được Trung tướng Nguyễn Hữu Cồ mua với giá 70 ngàn thời đó. Năm 1977 tham dự triển lãm salon “ Artistes Française“ ở Grands Palais, tại Paris. Bà vốn là hậu duệ trong một gia đình hoàng tộc, trong đó có rất nhiều danh nhân thi sĩ mà thơ của họ còn truyền tụng mãi hôm nay như Tùng Thiện Vương... Thừa hưởng cái phẩm chất văn học của các bậc tiền bối trong gia tộc, Minh Châu làm thơ ngay từ lúc còn trẻ, khởi đi từ những vản thơ Đường, Minh Châu đã mạnh dạn bỏ qua những luật quá gò bó của dòng thơ cổ để biến thể hòa vào trào lưu theo sự chuyển xoay của dòng thi ca thời đại, hầu có thể diễn đạt hết những cảm xúc trong tâm hồn. Thịnh thoảng nữ sĩ vẫn làm những bài thơ xướng họa tạc thù với các bạn thơ nhưng ngôn ngữ trong thơ là những hình tượng mang màu sắc hội họa đầy sáng tạo, mới hơn. Thơ Minh Châu

không những đẹp về ý mà còn được thể hiện qua nét họa trong thơ, màu sắc của chất họa được ẩn chứa ở bóng chữ, ý câu trong thơ. Kể từ ngày nữ sĩ lìa xứ sở ra đi, bà đã mang theo quê hương trong tim. Bà sống với kỷ ức qua thơ nên chẳng cần về chốn cũ mà vẫn có thể sưởi ấm tâm hồn; vì quê hương đã là nỗi nhớ ân sâu trong tâm hồn nữ sĩ, giúp nhà thơ dệt lên tác phẩm mang tên Thi Họa Hương Lòng.

Có lẽ ít ai biết người đã đồng tâm và đồng hành với nữ sĩ trong sáng tác; đây những cảm hứng để bà dệt thành những vản thơ, chất họa; người đó là bác sĩ Huỳnh Minh Châu đảng phu quân của bà. Ông là người không làm thơ, vẽ tranh nhưng lại biết cảm nhận cái hay cái đẹp trong thơ, trong họa. Chính ông đã bình những bài thơ của bà, nhờ đó thơ bà ngày càng khởi sắc. Tôi may mắn thường được nghe bà kể chuyện đời và những câu chuyện văn chương nghệ thuật. Bà giải thích:

“Thường nhật mỗi khi nói đến tranh lụa người ta hay lẫn lộn loại vẽ batik (vẽ lụa theo phương pháp Javanaise) hay vẽ lụa theo lối trang trí (décoration) trên áo, trên khăn quàng, cà vạt khăn bàn..vv.. khi vẽ xong phần trang trí, lụa được đem hấp để giữ cho khỏi phai. Lối vẽ này thường thấy trong mỗi quận Paris, ở đó có những lớp dạy vẽ ngắn hạn, mỗi khóa chừng ba tháng“

Tôi hỏi:

“ Theo cô vẽ lụa trong ngành hội họa Việt Nam có gì đặc biệt?“

Nữ sĩ Minh Châu cười tỏ vẻ hài lòng về câu hỏi. Bà nhấp tách nước trà thắm giọng và nói tiếp:

“Đó là môn học chính trong chương trình trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật, mà giá trị ngang với các môn học

chính khác như: Môn Sơn Dầu, Điêu Khắc, Sơn Mài, vì tại nơi đây đã phát xuất lối vẽ lụa và được công nhận như một môn học chính thức.”

Được biết trường Mỹ Thuật có từ thời Pháp thuộc và được tiếp nối đến sau này. Các sinh viên muốn theo học đều phải có bằng tú tài, và qua kỳ thi tuyển về năng khiếu vẽ. Chương trình học tương tự như những trường Mỹ Thuật tại Pháp, và có thêm vài môn thích hợp với tâm hồn bản xứ là môn vẽ lụa và vẽ sơn mài.

Tôi hỏi:

“Vẽ lụa và vẽ sơn dầu cái nào khó hơn?”

-Bà trả lời:

“Vẽ lụa có phần khó khăn hơn vẽ sơn dầu bởi vẽ lụa cần nhiều chi tiết khi thực hiện như tránh xóa bỏ, sửa đổi đường nét, tránh đổi màu. Trong khi đó vẽ sơn dầu chúng ta có đổi màu, thêm hay bớt theo sở thích gam màu của họa sĩ. Theo tài liệu cô đã được đọc khi còn ở VN và khi còn dạy ở trường thì môn vẽ lụa gia nhập chương trình có thể vào năm 1923, 1924 thuở sơ khai của trường Mỹ Thuật Đông Dương (Hà Nội). Giáo sư J. TARDIEU là vị giám đốc đầu tiên của trường mỹ thuật. Cô được nghe họa sư Tôn Thất Đào một trong những người tốt nghiệp các khóa đầu của trường, ông là tác giả nhiều họa phẩm lụa giá trị cũng như các vị giáo sư tiền bối Lê Văn Đệ, Nguyễn Văn Long ..vv., ông kể lại: Nguồn gốc tranh lụa là do tình cờ của một sinh viên thời đó (xin thuật lại với mọi dè dặt) Khi ông ta thực hiện một tác phẩm theo lối thủy mặc, vẽ xong ông không vừa ý liền đem đi rửa, mong sửa đổi đôi chút. Trong lúc rửa một phần màu thấm vào lụa, một phần trôi bớt, hình nét tự dưng trở thành mờ mờ, ảo ảo, nhẹ nhàng, khiến cho tác phẩm trở nên đặc biệt có một giá trị

mới lạ xưa nay chưa từng thấy. Hồi đó ông ta chưa ý thức được sự việc này nên đem tranh thu vào một góc. Đến lúc thầy bảo góp bài, ông đưa bức vẽ ra nhưng trong lòng rất băn khoăn, e dè! Nhưng khi giáo sư J. Tardieu nhìn thấy tác phẩm không những đã không rầy la, mà còn ôm choàng lấy học trò tỏ lời khen ngợi đã có được sáng kiến mới mẻ, rồi khuyến khích tiếp tục dựa trên cách thức vẽ thường ngày mà bổ túc cho hoàn hảo thành một lối vẽ riêng chỉ có ở Việt Nam. Tranh lụa ra đời từ đó và xem như môn học chính tại trường, và được phổ biến khắp nơi.”

Giọng Huế của bà rất êm và nhẹ nhàng dẫn trôi vào thế giới đầy sắc màu làm tôi ngỡ ngàng. Bà thấy tôi im lặng tưởng tôi không muốn nghe nên nói:

“Đỗ Bình đọc thơ cho cô nghe.”

Tôi vội vàng nói:

“Thôi! Cô cứ nói tiếp đi, em đang lạc vào thế giới sắc màu! Theo cô bức tranh lụa nào tuyệt hảo nhất thời ấy?».

Bà trả lời liền mà không suy nghĩ :

«Bức tranh lụa tuyệt hảo nhất là bức: Người Đàn Bà Năm Vòng của họa sĩ Lê Văn Đệ ».

Đôi mắt già mờ mờ ngược ra khung cửa như nuốt tiếc một quãng trời xa xăm đã trôi mất. Bà ngậm ngùi than:

“Chiến tranh và thời gian.. bao nhiêu đổi dời tại quê nhà, không biết bức tranh đó còn hay mất ?!»

Tôi hỏi :

“Sự khác biệt giữa tranh thủy mặc và tranh lụa ?”

Nữ Sĩ Minh Châu:

“Tranh thủy mặc là những bức tranh vẽ bằng mực tàu như tranh thủy mặc Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, nói chung tranh Á Đông. Màu thường nằm trên mặt lụa, và

màu do những chất đá làm ra...Có nhiều đề tài vẽ theo lối học thuộc lòng cho nên chúng ta được chứng kiến ngay trước mắt khi họa sĩ muốn biểu diễn cho xem. Nét phóng nhanh, bay bướm, cũng thật đẹp. Riêng tranh lụa Việt Nam màu thấm vào sợi lụa, vì trong khi vẽ lụa được rửa nhiều lần nên trông trong suốt. Đó là những điểm đặc biệt không vẽ theo lối học thuộc lòng. Khi sáng tác thì tuân tự theo từng giai đoạn như đã thực hiện cho một bức tranh sơn dầu. Kết luận tranh lụa Việt Nam chịu ảnh hưởng của hai lối vẽ Á Đông và Tây Phương, nhưng vẫn giữ được một sắc thái hoàn toàn Việt Nam.

Tôi thấy câu chuyện kéo dài sợ bà mệt định ngưng, nhưng bà hiểu ý tôi liền nói:

“Ta trời cho em đó! Cố gắng nhớ sau mà viết!”

Nghe những lời của bà lòng tôi chùng lại! Ở Paris về phái nữ có hai bà cụ mà tôi thân nhất là bà bác sĩ Nguyễn Duy Tài nay đã mất! Và nữ sĩ Minh Châu. Cả hai đều ở tuổi mẹ của tôi, thường ngày hai bà nói chuyện với tôi về «con người và lẽ đạo».. Mẹ tôi còn ở quê nhà, không muốn qua Pháp, bà muốn được chết trên quê hương! Do hoàn cảnh đất nước tôi không chấp nhận một chế độ độc tài nên đã không về!! Khi nghe nữ sĩ Minh Châu than, hồn tôi rung rung lên, thương bà và nhớ mẹ nơi quê nhà. Tôi cố ngăn dòng cảm xúc để hỏi tiếp:

“Cách thức thực hiện một tác phẩm lụa?”

Bà nhón miệng cười rất tươi nói :

“Thực hiện một tác phẩm lụa cũng giống như thực hiện một bức tranh sơn dầu phải qua những phần chính sau đây:

Trình bày - Bố cục - Đường nét - Màu sắc - Sự sống động toàn diện. Vẽ tranh lụa đòi hỏi người sáng tạo một tâm tình kiên nhẫn, rất công phu, nhiều tỉ mỉ hơn là thực hiện một bức sơn dầu. Vấn đề chọn màu

linh động, nhất là lối hòa hợp giữa các màu đạt đến mức độ màu theo ý muốn. Hình ảnh và đường nét trong bức tranh phải tuyệt đối hoàn hảo, bởi lẽ khi thực hiện không thể sửa được. Có thể nói : «Hạ tịch bất hồi» cho lối vẽ lụa thuần túy. Lối vẽ lụa ở các trường Mỹ thuật Sài Gòn, Huế lụa được căng lên khung gỗ, cho một lớp hồ thật mỏng, nếu không khéo «pha hồ» thì lụa khó ăn màu, khi vẽ đường nét nhoè ra, đôi khi màu loang không thấm vào được lụa thay vì hồ đúng mức, màu chắm đến đâu sẽ thấm nhẹ nhàng vào lụa. Họa sĩ bao giờ cũng vẽ trên lụa ướt, đôi khi đợi lụa tiu tiu. Lụa phải chọn thứ dệt đều sợi, tránh những phân có gút vì khi thực hiện màu sẽ đọng lại mất phần giá trị tác phẩm. Có thể nói một tác phẩm lụa hình nét phải thật đúng, không sửa, không tẩy. Tranh vẽ hoàn tất chỉ còn những mảng màu hòa hợp với nhau một cách thân tình, kỹ thuật thật điêu luyện làm cho khi nhìn bức tranh thêm xúc cảm, thêm hồn (âm), không phân biệt được mặt trái, mặt phải của bức tranh.”

Tôi chợt thấy bài thơ trong tập bản thảo, bài: “Thơ cho Huế”. Tôi cầm lên rồi ngâm cho nữ sĩ nghe. Tôi thấy khuôn mặt bà lộ những nét hân hoan. Tôi hỏi:

“Cô xa Huế lâu rồi chắc nhớ Huế lắm phải không?”

Bà còn đang xúc động vì bài thơ của mình, mỉm cười nói:

“Huế là máu thịt của cô, là tiếng nói luôn theo bên mình,... Nhưng chao ôi.. thế mà vẫn nhớ Huế da diết chi lạ!”

Bà quên sao được kinh thành Huế năm xưa; thời hoàng kim còn thấp thoáng trong nỗi nhớ được thể hiện qua thơ, trong họa của bà về một kỷ ức tuổi thơ với biết bao kỷ niệm đẹp của gia đình. Thân phụ của nữ

sĩ là một trong những quan nhất phẩm đại triều. Trong số những tấm hình được trưng bày trên bàn, tôi thấy hình của vua Bảo Đại và Nam Phi hoàng hậu, bên cạnh là tấm hình thân phụ của bà đưa vua Bảo Đại lúc còn trẻ sang Pháp. Tôi chợt nhớ ngày vua Bảo Đại băng hà, bỗng có nguồn tin loan nhanh trong giới sinh hoạt: *“Những người muốn dự đám tang của vua Bảo Đại phải có giấy mời”*. Một khúc film thoáng nhanh trong đầu. Tôi nhớ ngày đó tôi muốn đến tiễn đưa vị vua cuối cùng của triều nhà Nguyễn lần cuối, như chút tình của người dân đối với một ông vua. Tôi thương cảm đời của một vị vua chìm nổi theo vận nước đổi xoay, đành phải sống lưu xứ và gởi thác nơi quê người. Nghĩ đến ông mà xót xa cho những thân phận lưu vong! Tôi liên lạc với một số người, nhưng ai cũng đều nhận được nguồn tin trên. Họ lấy làm tiếc vì không nhận được thiệp mời! Tôi liên lạc với ông Tổng thư ký văn phòng liên lạc các hội đoàn người Việt tự do tại Pháp. Ông Dương Văn Lợi cho biết cũng không có giấy mời. Tôi nói:

“Mình cứ đến anh Lợi ạ! Tôi nghĩ đám tang vua Bảo Đại hành lễ ở nhà thờ, chắc nhà thờ không ngăn cản người đi dự lễ đâu?”

Bên kia đầu giây điện thoại ông Dương Văn Lợi nói:

“Chưa chắc đâu! Họ không muốn người ngoài tham dự nên thế nào cũng đòi có giấy mời.”

Tôi liền trả lời:

“Tôi có liên lạc với một số người trong hoàng tộc họ cho biết không có vụ đòi giấy mời. Họ cũng rất ngạc nhiên về nguồn tin trên!”

Ông Dương Văn Lợi nói:

“Nếu thế thì mình đi.”

Hôm ấy trời Paris không lạnh, nhưng nền trời âm u, buồn bã. Mưa trút nước xối xả nhòa cả đường phố. Có phải đây là những giọt lệ của trời đưa tiễn người đi nên làm mưa có chút gì âm hưởng mưa trên xứ Huế?. Chúng tôi vào nhà thờ chẳng một ai hỏi giấy mời. Trong thánh đường đã đông người, tuyệt đại đa số khách đều là người Pháp. Tôi thấy trong lòng dấy lên nỗi buồn! Paris đông người Việt, một vị vua băng hà chỉ có bấy nhiêu người đồng hương đến tiễn đưa sao?! Thật là quái ác cái nguồn tin thất thiệt đòi giấy mời đó!

Xong lễ phép xác, một người đàn ông mặt buồn rầu bước ra về. Tôi tiễn lại gần nữ sĩ Minh Châu hỏi nhỏ:

“Người vừa đi là hoàng tử Bảo Thắng phải không cô?”

Nữ sĩ nói:

“Cô cũng mới trả lời giáo sư Vũ Quốc Thúc và hiền tài Lê Trung Cang câu này. Đó là hoàng tử Bảo Long. Cô còn đưa ý kiến: Vua Bảo Đại theo đạo thờ cúng tổ tiên, tôi thử hỏi hoàng tử Bảo Long, nếu có một số người muốn xúc tiến tổ chức 49 ngày cho vua Bảo Đại, xem ông có đến tham dự không? Nói rồi cô đến hoàng tử Bảo Long hỏi ý kiến, và ông trả lời là rất sẵn sàng và đã cho địa chỉ để liên lạc.”

Vì lý do đó tại tư thất nhà bác sĩ Nguyễn Duy Tài mới có cuộc họp quy tụ một số nhân sĩ trong cộng đồng để thảo luận việc xúc tiến tổ chức. Nhiều ý kiến thuận, một số ý kiến bất đồng viện lý do không hề thấy người trong hoàng tộc tham gia trong công cuộc đấu tranh chống bạo quyền Cộng Sản. Không ngờ trong số những người dự phiên họp có ông bà được sĩ Phạm Đăng Lý và phu nhân là được sĩ Công Tăng Tôn Nữ Mộng Hoa, cả hai là những khuôn mặt đấu tranh nổi tiếng và

kiên trì ở Paris. Như thế những lời đồn là sai sự thật! Người trong hoàng tộc có tham gia trong công cuộc đấu tranh tại Paris như mọi người, nhưng không muốn nhân danh hoàng tộc mà chỉ vì lòng yêu nước yêu tự do. Vì ý kiến bất đồng nên cuộc họp không có kết quả. Do đó mới có cuộc họp ở nhà bà Minh Châu. Ông Bảo Hưởng và bà Minh Châu đã liên lạc với một số nhân sĩ: gồm có đại diện Hoàng tộc là Ông bà Bửu Phúc ở Nice lên, Hiền tài Lê Trung Cang, ông Phan Quốc Uy, giáo sư Nguyễn Vô Kỳ, nghệ sĩ Thúy Hằng và tôi. Qua những phân tích về xu thế chính trị nói riêng và tâm lý quần chúng nói chung, mọi người chùng như e ngại, sợ tổ chức sẽ bị thất bại làm tổn thanh danh của vua Bảo Đại. Tôi thấy tình trạng thảo luận càng kéo dài sẽ làm nản lòng thêm những người hiện diện, do đó liền nói:

«Nếu các vị bằng lòng xúc tiến, tôi xin hứa sẽ mời được 300 người.»

Lời phát biểu của tôi đã đánh tan mọi sự e ngại, và phiên họp đã có kết quả. Ông Bảo Hưởng sẽ chịu tất cả mọi chi phí và đứng làm trưởng ban tổ chức cùng ông bà Bửu Phúc, những người khác sẽ tiếp tay. Ông Phan Quốc Uy cho biết:

«Trong nghi thức Phật giáo, theo lời kinh, để tỏ tấm lòng chữ hiếu, bắt buộc người con phải quỳ lạy cha mẹ quá cố.»

Ở điểm này ông Bảo Hưởng cho biết:

«Chân hoàng tử Bảo Long hiện nay bị gầy không thể quỳ lạy được, tôi có thể quỳ lạy thay cho hoàng tử Bảo Long được không?»

Một điều quan trọng nữa là hoàng tử Bảo Long phải đọc một bài điều văn bằng tiếng Việt trong buổi lễ. Ai cũng biết hoàng tử Bảo Long đã rời quê hương từ lúc còn nhỏ, nên e ngại nhưng không nói ra.

Sau khi ông Bảo Hưởng gửi thiệp mời đi, chỉ một tuần lễ đầu đã có hơn một ngàn người gọi điện thoại sẽ đến tham dự, qua tuần lễ sau số thiệp mời phải in thêm. Hôm 05 10 1997 tại chùa Vincennes đã long trọng tổ chức ngày đại lễ thất tuần cho vua Bảo Đại. Số người đến dự lên đến trên 3 ngàn người; hầu hết những khuôn mặt sinh hoạt nổi tiếng trong cộng đồng đều tham dự. Phần nghi thức tế lễ do một ban nghi lễ cổ truyền, cùng những vị đại diện tôn giáo. Những bài điều văn mang tính lịch sử làm sáng tỏ thêm về nỗi lòng của một vị vua cuối cùng của triều Nguyễn, do giáo sư Vũ Quốc Thúc, thẩm phán Nguyễn Quốc Hưng, nhà thơ Hồ Trọng Khôi đọc gây xúc động người tham dự; trong đó có đủ lứa tuổi từ các cụ già tuổi đã ngoài tám chín mươi, và có các cháu thanh thiếu niên sinh sau năm 75. Sự đông đảo đã nói lên tình cảm thương mến của dân chúng đối với vị vua cuối cùng của Việt Nam.

Tôi thấy bà Minh Châu là người đứng sau nhắc nhở những điều cần thiết về thủ tục nghi lễ với các hoàng tử, công chúa. Trước linh cửu của vua Bảo Đại, các hoàng tử Bảo Long, Bảo Thắng, Phương Mai, Phương Liên, Phương Dung, và Bảo Hưởng đều mặc tang phục. Điều làm cho những người có mặt xúc động, hoàng tử Bảo Long quỳ lạy suốt buổi hành lễ và đọc bài điều văn bằng tiếng Việt giọng Huế nghe rất cảm động.

Nữ sĩ Minh Châu thấy tôi im lặng trầm tư liền hỏi :

«Em đang suy nghĩ gì thế?»

Tôi trả lời:

«Em thoáng nghĩ về ngày lễ cầu siêu cho vua Bảo Đại khi chợt thấy tấm hình của vua trên bàn.»

Bà Minh Châu bỗng thở dài và khẽ ngâm câu thơ:

*«Đời ví tựa bóng câu qua cửa,
Giàu sang rồi cũng lại sắc không.
Văn chương thi phú bận lòng,
Rượu vui, trăng ngắm, mơ màng nàng thơ.»*

Cõi thơ là cõi bồng bênh, nhưng cõi đời lại trầm bổng! Nữ sĩ Minh Châu đã đi khắp đó đây gần thế kỷ, trải qua những thăng trầm của lịch sử, và theo dòng sử mệnh trôi giạt đến Paris, rồi sẽ dừng ở đây. Ngoảnh lại nhìn những chuỗi đường đã qua, nữ sĩ chợt phát hiện chỉ có tâm hồn nghệ sĩ làm cho đời thêm ý nghĩa. Nhà thơ vốn dĩ đã cô đơn, tuổi già càng cô quạnh vì không giải được hết nỗi niềm, cho nên nữ sĩ tìm thú vui và tri âm trong những trang bản thảo để nghe lòng mình thổn thức:

*« Nhìn trăng, trăng lạnh như tờ,
Nhìn mây, mây cũng hững hờ xa xôi.
Gió đâu thoát đến liền hồi
Bàng hoàng chợt tỉnh giòng đời trôi nhanh! »*

Thời gian trôi lạng lẽ! Huế và quê hương ở rất xa, những tâm tình chốn xưa vẫn còn trên những trang bản thảo. Làm sao kéo chậm lại thời gian để nữ sĩ nhìn thấy tác phẩm cuối đời? Rồi đây những họa phẩm tranh của bà có cùng chung số phận như những bức tranh nổi tiếng của các vị họa sĩ tiền bối trôi giạt về đâu?!

Trên đoạn đường trở về nhà lòng tôi băng khuâng buồn bã, cảm nhận hình ảnh của bà như những chiếc lá thu cuối mùa, mà liên tưởng đến người mẹ nơi quê nhà mà hồn rung nước mắt!

Đỗ Bình (Paris)



Hàng đứng : Nghệ sĩ Linh Chi, Nhà thơ Vân Uyên bs Nguyễn Văn Ái, nhạc sĩ Trịnh Hưng, nhà thơ Quỳnh Liên, nhà văn Trần Đại sỹ, nhà thơ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nhà văn Liều Phong, nhà thơ Phương Du Nguyễn b Bá Hậu, nhà thơ Trọng Lễ, nhà thơ Đỗ Bình.
Hàng ngồi : nhà thơ Thụy Khanh nhạc sĩ Xuân Lôi, gs Võ Thu Tịnh.

NẾU AI CÓ HỎI

Mạo muội cảm đề bài

“RA ĐI XIN HẸN NGÀY VỀ”

của Thi sĩ Trưng Quang

*

Nếu ai có hỏi, nghĩ gì về quê hương?

Tôi xin trả lời:

Việt Nam đẹp tuyệt vời!

Uống nước Cửu Long ngọt tình quê mẹ

Nước sông Hương, sông Đuống... đậm

tình quê cha

Có những dòng sông, ôi tha thiết hiền hòa

Từ nguồn chảy ra biển cả

Qua xóm thôn sẵn đã

Qua thị thành phố xá đông người

Qua núi đồi hùng vĩ cao ngạo dưới trời

Nắng hạ râm hồng trái thêm ngọt

Mưa thu rỉ rả, lá vàng buâng khuâng

Đông phong sương mờ khắp lối

Én liệng lưng trời tô thắm tình xuân

Quê Nam, dân no ấm an bình

Tiếng hò dô-ta đập dồn vang trong gió

Ghe lưới về, tôm cá chờ đầy ghe...

Sau vụ mùa, thôn dân đình đám hội hè

Lời hát, câu hò reo vui nắng sớm

Của nông phu, của mục đồng

Có tiếng tù-và văng vẳng trên sông

Giục hành khách nhanh chân kéo muện

Có ngôi trường trong xóm

Ê, A... vang tiếng trẻ học bài

Lộ đá nhiều xe qua lại

Đưa khách, đón chiến binh về phép thăm nhà

Mua xấp lụa hồng làm quà em gái nhỏ

Mấy độ xuân tàn vẫn chờ đợi người xa...

Nếu ai hỏi, nơi đó có gì lưu luyến?

Tôi xin trả lời:

Nơi đó có, có thật nhiều thương mến...

Có thôn nữ ngồi giặt áo trên sông

Có mẹ ru con héo hắt nhớ thương chồng

Có những người trai dãi dầu nơi tiền tuyến.

Có Hòn Ngọc Viễn Đông trang đài cổ kính

Có những con đường lộng gió lá me bay

Có những chiều mưa, bóng ngã đường dài

Có những chiều hò hẹn của ngày xưa!

Ôi, những ngày xưa thân ái!

Nếu ai có hỏi, dân tộc đó ra sao?

Tôi xin trả lời:

Quê hương tôi gấm vóc

Dân tộc tôi anh hùng!

Đã trải qua bao hưng phế, thăng trầm

Việt Nam vững như tường đồng vách sắt

Bởi đắp bồi bằng xương máu của cha ông

Nhưng than ôi,

Quê hương tôi đã ngập bóng quân thù

Việt Nam hôm nay là một nước ngục tù

Kể từ khi bị đầu hàng bức tử!

Cho bọn người man rợ hơn loài dã thú...

Lớp người trẻ đã lên đường...

Tôi sẽ trở về với những ai cùng chánh nghĩa...

Góp sức chung lòng giải phóng quê hương

Nước Việt Nam không còn giặc đỏ

Xin mời anh,

Ghé thăm quê hương tôi ngày mở hội

Từ Ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mau

Trong nắng đào

“Cờ vàng ba sọc đỏ”

Phấp phới rợp trời xanh...

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

(California)

NĂM NGHE MẸ KỂ QUÁN ÂM

Lam Điền Nguyễn Thử

Mùa vu lan đến. Thời thơ ấu của tôi cũng đến nhẹ nhàng. Tôi vẫn nhớ những đêm sau tết, khi hơi lạnh mùa đông còn sót lại se se trong hơi gió, và mưa bụi mịn mù trắng đục ngoài xa; trong căn nhà gạch, tôi nằm co trong lòng mẹ, ấm ru trong hơi ấm của nồi lửa than đặt dưới chông tre, cùng hơi thở mẹ êm êm trong mùi trầu vôi thơm phức. Chờ lúc không gian hoàn toàn tĩnh lặng, tôi mới bắt đầu thăm thì thủ thi.

Lúc nào tôi cũng mở đề bằng hai tiếng: “mẹ nè”, và mẹ tôi cũng nói cùng một câu quan trọng: “Im cho ba ngủ!”

Tôi là con út, lại là con trai duy nhất nên ba mẹ tôi cưng lắm. Cứ đêm đến là nằm với mẹ bắt mẹ đọc thơ hay kể chuyện đời xưa.

Mẹ tôi thuộc nhiều thơ lắm. Tôi không biết mẹ tôi sao mà giỏi quá. Có lần tôi hỏi “tại sao mẹ không biết chữ mà thuộc được nhiều thơ dữ rứa?” Mẹ tôi bảo rằng con gái ngày xưa phải đi lấy chồng sớm nên cha mẹ không cho đi học. Người ta đọc thơ, mẹ nghe lóm vài lần rồi mẹ thuộc. Thuộc để hát ru con.

Tôi nghĩ mà thương mẹ. Cái gì cũng vì con. Tôi không có em nhỏ nên chưa từng nghe mẹ hát ru em, nhưng tôi nghĩ chắc là mẹ tôi hát nghe hay lắm.

Tôi cũng không biết “người ta” ấy là ai mà lại đọc thơ cho mẹ tôi nghe. Chắc là bà ngoại tôi? hay là mấy cậu?... Họ học cao, rành chữ Quốc ngữ, chữ Tây chữ Hán...

Giọng đọc thơ của mẹ tôi không ai có thể bắt chước được. Bà vừa nhai trầu vừa đọc. Bà nhấn mạnh những vần bằng trong thể thơ lục bát. Đôi lúc bà tự ý thêm vào để khoả lấp những chỗ bà quên, thậm chí câu 8 chữ có khi tăng lên thành 10 hay 12 chữ.

-Thôi thì mẹ đọc Quan Âm Thị Kính nghe! Chịu hông?

-Chịu!

-Um... không biết có nhớ hết không đây!

Quan Âm Thị Kính là một chuyện thơ không rõ tên tác giả, kể về một kiếp hóa thân của đức Quán Thế Âm mà mẹ tôi tin là hoàn toàn có thật.

Rằng “Từ thuở xa xưa; Đức Quán Thế Âm còn là một hoàng tử. Ngài xuất gia, tinh tấn tu hành gần đạt được quả vị Bồ Đề. Lúc đó đức Như Lai muốn thử lại lần cuối bèn hóa ra một cô gái đẹp đến bên ngài mở lời quyến rũ. Ngài nhất quyết chối từ. Nhưng vì thương hại, không muốn cho cô gái đau lòng vì thất vọng nên ngài đã nói: “Kiếp này tôi đã nguyện xuất gia, rũ sạch ân ái thế gian, họa chăng là chờ kiếp khác”.

Không ngờ lời an ủi nữa vơi như thế đã trở thành khẩu nghiệp, buộc ngài phải trở lại trần gian trong một kiếp, đi vào đường tình

ái, hưởng một chút hạnh phúc mong manh và chịu đựng lắm điều đắng cay oan uổng.

Trên bước đường trả nghiệp ở trần gian, ngài đầu thai làm con gái nhà họ Mãng, tên là Thị Kính. Đến tuổi thanh xuân Thị Kính lấy chồng là Thiện Sĩ, làm dâu nhà họ Sùng. Nàng hiếu thảo tiết hạnh, biết yêu thương, phụng dưỡng cha mẹ chồng vẹn toàn chu đáo. Đêm đêm dưới ánh đèn hoa, chàng Thiện Sĩ đọc sách thánh hiền ước mơ ngày bái tổ vinh qui, công thành danh toại, nàng Thị Kính cũng quán quít bên chồng tươi mát rộn ràng trong đường kim mỗi chỉ. Cuộc tình tưởng chừng như mãi mãi yên vui. Nhưng hạnh phúc thì mong manh mà oan trái thì bất ngờ ập đến làm cho mọi người bàng hoàng, chói với. Đó là lúc:

*“ Canh khuya bạn với sách đèn.
Môi lưng chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang dưới cằm,
Vô tâm xui bỗng giả tâm.
Dao con sẵn đấy mới cầm lên tay
Vừa giờ sắp tiễn cho tà
Giật mình chàng đã thức ngay bấy giờ
Ngán thay sửa dép vườn dưa
Dẫu ngay đến mấy cũng ngờ rằng gian
Thất thần nào kịp hỏi han
Một lời la lối rằng “toan giết người”
Song thân nghe tiếng rưng rờ
Rằng sao khuya khoắt mà lời gớm thay.
Thưa rằng “Giác bướm vừa say
Dao con nàng bỗng cầm tay kẻ gần
Hai vai hộ có qui thân
Thực hư đôi lẽ xin phân cho tường”*

*Nàng vâng thừa hết mọi đường
Rằng “Từ gậy khúc phụng hoàng đến nay
Án kia nâng để ngang mày,
Sạch trong một tiết, thảo ngay một bề.
Bồi chàng đèn sách mái mê.
Gối Ôn Công thưở giấc hòe thiu thiu.
Thấy râu mọc ngược chẳng đều
Cầm dao tiện để một chiều như nhau
Há rằng có phụ tình đâu
Muôn trông xét lại tình đầu kéo oan”*

Bà đã giải bày một cách thiết tha và trông mong chồng mình cũng như ông bà Sùng cảm thông xét lại. Nhưng chẳng có ai dễ dàng tin tưởng. Người ta trở mặt, dành cho bà những lời mắng nhiếc, đắng cay :

*...rằng “bảo cho hay
Trộm hương cướp phần cũng đầy chan chan
Mấy người một ngựa một an,
Nay Trương mai Lý thế gian hiềm gì
Áy may mà tình ngay đi
Đỉnh đình đình nữa có khi còn đời”*

Cha mẹ chồng đã hết lời chửi bới rồi cho người đi mời cha của Thị Kính là Mãng Ông đến để có đôi lời... quở trách:

*Trách rằng “sự mới lạ lòng
Sinh con ai dễ sinh lòng áy dâu
Sắc cầm bông dờ dang nhau .
Hay dâu với đũa trong dâu hện hò,
Sông kia còn có kẻ dò
Lòng người ai dễ mà đo cho cùng.
Sự này mười mắt đều trông
Thôi đừng tra hỏi gạn gùng nữa chi
Nghe anh nào có bụng gì
Đem về dạy dỗ sao thì mặc anh”*

Lời lẽ của ông bà Sùng thật là đanh thép. Chuyện này ai cũng thấy. Thôi đừng tra hỏi (đánh đập) làm chi. Con anh, anh đem về dạy lại, nên hư là tùy ý anh.

Mọi việc đã xảy ra chớp nhoáng như một cơn gió độc. Thị kính chỉ còn một cách là cắn răng nuốt lệ. Làm sao nói cho mọi người hiểu được lòng mình. Khi cầm con dao con nhỏ bé lên tay, lòng Thị Kính đang nở những nụ hoa tươi mát, với nụ cười hóm hỉnh: Sáng mai khi chàng thức dậy mình sẽ nói: Chàng ơi em đổ chàng nhé... Đêm qua khi chàng ngủ say ai đã cắt của chàng ...” Một tiếng hét thất thần là tất cả tan tành sụp đổ. Mọi người đều không tin vào sự thật trong đó có cả Thiện Sĩ - người mà bà hết lòng yêu quý.

Hôm đó tôi bị mẹ mắng vì tôi đã nổi sùng buột miệng chửi rằng: “thằng Thiện Sĩ này vừa ác vừa ngu”. Mẹ tôi bảo rằng tôi hỗn. Nói tầm bậy tầm bạ coi chừng mang tội chết. Bà Thị Kính chẳng bao giờ lại nghĩ như con vậy đâu.

Sau này tôi mới biết là mẹ tôi nói đúng. Thiện Sĩ không hề độc ác. Chỉ vì tình giặc bất ngờ nên tâm trí chưa kịp sáng suốt thôi. Chỉ trách rằng sau khi tình trí chàng vẫn không tin vào sự thật. Không những Thiện Sĩ mà là tất cả mọi người đều bắt lụy một cách đáng thương; trong đó có cả Mãng Ông cũng cam lòng không biện bạch, giải oan cho con gái của mình

Từ nhà chồng về, Thị Kính chỉ mang theo nỗi đắng cay. Bà toan tự tử. Nhưng nghĩ lại thương mẹ thương cha, bà giả trai xuất gia vui cuộc đời tương chay thanh

tịnh. Bà trở thành chú tiểu Kính Tâm khôi ngô tuấn tú nhất ở chùa Vân Tuệ.

Sắc đẹp cũng là một mối tai ương. Về khôi ngô tuấn tú ấy đã lọt vào mắt xanh của cô gái đi chùa. Đó là Thị Mầu, một cô gái đa tình đa cảm. Nàng liếc mắt đưa tình, khen chú tiểu đẹp trai và mở lời âu yếm. Dĩ nhiên “chú tiểu” hừng hờ lánh tránh. Thị Mầu bị chạm tự ái, Đó là tính của nữ nhi. Yêu họ thì họ xem thường, không yêu họ thì họ đem lòng oán hận. Thị Mầu trả thù bằng cách thông dâm với người ở, đến khi mang thai làng bắt tội thì khai cho Kính Tâm.

Quả là “họa vô đơn chí” Lần này bà cũng cắn răng chịu đựng. Kẽ hiền lương thường không biện bạch nhiều lời... Nhưng Thị Mầu cũng chẳng buông tha. Khi sinh con nàng lại đem đến chùa, gọi là giao trả:

*“Tiểu đang tụng niệm khẩn nguyện
Bỗng nghe tiếng trẻ khóc lên giật mình
Ngánh đi thì dạ chẳng đành
Nhận nuôi thì hóa ra mình chẳng ngay
Góm thay mặt nạn mày dầy
Chân chân rằng “trả con đây” mà về.
Cơ thiên kể đã khất khe .
Khéo xui ra đưa làm rêu riu mình.
Nhưng vì lòng dạ hiếu sinh,
Phúc thì làm phúc , do đành chịu do.
Cả trong chậu nước bơ vơ
Khi này chẳng cứu còn chờ khi nao.
Chẳng sinh cũng chịu cù lao
Xót tình măng sữa nâng vào trong tay”*

Tôi nghe mà ứa nước mắt. Mẹ tôi cũng lay quay lúng túng “Nâng vào trong tay... nâng vào trong tay”... Bà đọc đi đọc lại nhiều lần nhưng không tìm được lối thoát.

Đến khúc hay thì mẹ lại quên, nhưng biết làm sao được? Tôi tự hỏi thầm. Tại sao có người mẹ lại không biết thương con. Làm sao Kính Tâm có thể nuôi được đứa bé trong chùa đây? Rồi buột miệng “Cái con Thị Màu này ác thật”. Mẹ tôi lại rầy “Đừng nói tầm bậy mà mang tội. Bà ấy là người lớn đời xưa, không chừng ngang hàng với bà tổ bà cố của me lận. Có điều là Thị Màu cũng hơi nông nổi”

Lòng tôi chẳng có chút gì vui. Đang đọc chuyện thì lại quên nửa chừng, mẹ còn bênh vực cho Thiện Sĩ rồi lại bênh vực cho cả Thị Màu nữa, những con người mà tôi tưởng tượng có bộ mặt thật là dễ ghét.

Mẹ tôi ra hè sau bỏ bả trâu, một lúc lại vòng ra nhà trước. Dưới ánh đèn hột vịt khêu nhỏ đặt trên bàn thờ; tôi thấy bóng mẹ tôi đến bên giường ba tôi, ngần ngừ một lúc rồi ngồi xuống cạnh mép giường, tay gõ nhẹ lên mép chiếu ba tôi đang đắp:

- Ông nè! Ông! Chuyện Quan Âm Thị Kính đó mà.

-Sao?

-Chẳng sinh cũng chịu cù lao, xót tình mắng sửa nâng vào trong tay. Rồi sao nữa..

- Quên thiệt hả.

- Nhớ ai thêm hỏi. Hỏi vô duyên!

- Rứa thì tui cũng quên rồi!

- Quên thì thôi! Mẹ tôi đứng dậy bước đi.

- Thôi lại đây đọc cho nghe.

- Đọc đi, không lại..

- “Nâng vào trong tay. Bữa sau su phụ mới hay...”

Ba tôi đọc cho mẹ tôi một đoạn khá dài. Hóa ra ông vẫn còn thức và theo dõi “mẹ con nhà nó” thủ thỉ chuyện đời xưa.

Và cũng ngay giây phút ấy tôi chợt mỉm cười vì đã khám phá một điều bí mật (mà tôi thường thắc mắc): “Người ta đọc thơ mẹ nghe rồi mẹ thuộc” Hóa ra “người ta” đó chính là ba tôi.

Bữa sau su phụ mới hay

Dạy rằng “ như thế thì thầy cũng nghi

Phỏng như khác máu ru thì

Con ai mặc nầy can gì đã mang.”

Bạch rằng “muôn đời thầy thương

Xưa nay thầy dạy muôn đường nhỏ to

Dù xây chín đợt phù đồ.

Không bằng làm phúc cứu cho một người,

Vậy nên con phải vâng lời,

Mạng người dám lấy làm chơi bỏ liêu” ...

Su nghe thua thốt mấy điều.

Khen rằng “cũng có ít nhiều từ tâm”

Rõ là nước lã vẩn lấm,

Mà đem giọt máu tình thâm hòa vào

Mẹ vô thì sửa khát khao

Lo nuôi con nhện làm sao cho tuyền.

Nâng niu xiết nổi truân chiền,

Nhai cơm mớm sữa để nên thân người

Đến đâu ai cũng chê cười.

Tiểu kia tu có trót đời được đâu.

Bà không quen lý sự. Mà dù có dùng lý lẽ cũng không thể giải bày. Một kẻ tu hành bị người thế tục khinh khi chế diễu đã đành. Đến su phụ bà cũng mất hết một phần tin tưởng. Ngài bảo rằng nếu không phải cùng giòng máu thì chuyện gì phải gánh; rồi đuổi “hai cha con” ra cổng tam quan. Sợ tiếng xấu cũng vào cùng đứa bé. Thế nhưng chính bà đã sẵn sàng chấp nhận. Xem như đó là một niềm an ủi:

Khi trống dục, lúc chuông dồn

Tiếng chuông hòa tiếng ru con suốt ngày.

Mẹ tôi có lý. Rằng đừng nói tâm bậy mang tội chết. Tại sao tôi khinh ghét Thị Màu? Tại sao tôi lên án Thiện Sĩ?... Tại sao tôi lại phải nói dài lời về nỗi oan Thị Kính? Tại sao... Phải chăng tôi đã tự cho mình đứng về phía những con người thánh thiện để chê bai, lên án kẻ ác chẳng? hay vì thương Thị Kính thiệt thà mà tôi bênh vực? Tất cả đều vô lý và vô nghĩa lý. Bà không cần những thứ đó đâu. Ngay từ phút đầu bà có thể đưa ra những lý lẽ để biện bạch cho mình. Một con dao nhỏ, dưới ánh đèn, vợ chồng đang hạnh phúc, không có lý do, cũng không phải thời cơ thuận tiện. vân vân và vân vân... Bà có nhiều ưu thế để thắng lý lảm chửi. Thế nhưng trước sau bà vẫn đứng trên một lập trường duy nhất: ***lập trường tình cảm và nói ra sự thật***. Thế thôi. Mà tình cảm và sự thật thì khó mà thuyết phục được những con người lý lẽ đa nghi: Và... Những oan trái đã đến như những nghịch duyên cần thiết trên bước đường tu hành trả nghiệp. Với tính nhẫn nhục và lòng bi mẫn, bà đã vượt lên tất cả, biến tất cả những khổ đau thành vô ưu, thanh thoát tuyệt vời.

- Bà đã thành Phật và cứu độ biết bao nhiêu là người - mẹ tôi kết luận:

- Trong đó có cả đứa bé và sự phụ của bà nữa.- phải hông mẹ.

Mẹ tôi vò đầu tôi khen giỏi. Hết rồi. Thôi ngủ đi.

Chuyện Quan Âm Thị Kính mẹ tôi đã kết thúc từ lâu, nhưng trong lòng tôi hầu

như có cái gì chưa kết thúc. Nó vẫn còn lẩn quẩn đầu đó không hiểu là cái gì. Suốt thời trai trẻ, vào những ngày đầu năm tôi vẫn thích đi xem tuồng Quan Âm Thị Kính. Từ các gánh hát bội Sông Trà, Túy Nguyệt, Tân Ca Ban... cho đến các đoàn cải lương Kim Chung, Kim Chường, Bích Thuận, Thanh Nga... Tôi vẫn thấy các nghệ sĩ nổi danh đóng các vai trong tuồng Quan Âm Thị Kính đều không đạt. Hình ảnh Thị Kính trong tuổi thơ của tôi không phải như thế đâu! Nó xa lơ xa lắc với các nàng môi son má phấn mắt viền trông thật tức cười, dữ tợn. Và ... thú thật tôi cũng không thể hình dung nó phải như thế nào mới đúng.

Từ ấy... Bao nhiêu mùa Xuân đã đi qua trong hải hùng đồ võ, Tôi vẫn mơ thấy mẹ, vẫn câu Quán thế Âm nhưng chưa được một phút giây êm ái

Vẫn còn đây cái se lạnh của tháng giêng, bóng sương đêm mờ nhạt ngoài kia... những căn nhà ấm cúng ... Có bao nhiêu cậu bé lên mười vẫn còn nằm trong lòng mẹ nghe kể chuyện đời xưa? Và chiếc giường bên cạnh, người cha đang mỉm cười nghe “mẹ con nhà nó” đang thì thầm... thú thi? Cậu bé sẽ thấy mẹ mình như là một Quán Thế Âm, một trời Xuân đẹp. Ôi trẻ thơ mà được những ngày như thế ấy quả là tuyệt vời hạnh phúc.

Charlotte mùa báo hiếu

LAM ĐIỀN NGUYÊN THÙ

Impressions d'Automne

J'ai quitté Paris sous la pluie.
Il pleuvait à mon arrivée aux Etats-Unis
Un ciel gris domine Richmond
aujourd'hui.
L'automne doit avoir fait ses premiers pas ici.

Des taches jaunes pointillent dans le
bois derrière la maison.
Des fleurs se fanent dans les parterres
au milieu des gazons.
Des orages menacent les villes
littorales.
Des gens essaient de fuir un sort fatal.

Que deviennent les rencontres sur le
chemin de la vie?
Quels bons souvenirs laissent-elles jusqu'ici?
Quand donc résonneront de nouveau les

rires d'amis?
Que tout cela ne reste pas dans l'oubli!

A vous, mes amours, mes amitiés,
Les belles couleurs que l'automne va semer!
A vous, vieilles et nouvelles
connaissances,
Les meilleurs sentiments de ce coeur a
peine
innocent!



Minh
Chau
(Virginia)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

BIỂN ĐỜI LAO ĐÀO

Trần Thị Hương Gàu

Bảo hôn nhẹ lên trán Phượng, chúc ngủ ngon rồi trở mình quay lưng về phía vợ. Chỉ vài phút sau, Phượng đã nghe tiếng ngáy đều đều của chồng. Ngay sau giây phút ái ân là anh ấy có thể rơi ngay vào giấc ngủ ngon lành như một đứa bé vừa được bú no nê, còn cô thì mãi thao thức với những trăn trở cồn cào. Phượng kéo chăn lên tận cằm, mới chớm thu mà đất trời, cây cỏ đã nhuộm vàng ươm, không gian thì lạnh lẽo đến se sắt. Còn đâu cái nóng hực nhẹn nhip của một Sài Gòn hầu như không bao giờ yên ngủ mà cô vừa rời bỏ sau lưng. Thói quen trong những đêm trằn trọc đưa đẩy tâm tư Phượng bỗng bênh chìm vào vùng ký ức u uẩn, thắm đẫm bao nhiêu là phiền muộn, u u sầu.

.....

Tiếng chuông reng làm cả lớp hồi sinh sau hai giờ học khô khan dài đằng đằng trong không khí oi ả của những ngày đầu hạ. Phượng thúc tay vào hông Hằng, đùa:

- Chưa tỉnh hả nhỏ?

Hằng chép miệng than phiền:

- Đứa nào có sáng kiến gọi môn “Công nghệ kim loại” là “Cơm nguội hâm lại” thiệt là đúng hết sức. Môn học gì mà chán ngán y như nhai cơm nguội!

Thấy Phượng chỉ cười nhẹ, Hằng thêm:

- Cả lớp ngủ gà ngủ gật, chỉ còn mi là

ngồi nghiêm chỉnh học hành.

- Con khỉ! Ta cũng riu cả mắt nhưng bị lão thầy chiếu tướng quá nên phải ráng trợn mắt ốc bươu lên. Tối hôm qua nóng quá hay sao mà trằn trọc cả đêm...

Hằng hốt ngang:

- Chớ không phải mi mất ngủ vì vừa nhận được thư của Lam?

Thấy bạn im lặng, Hằng biết mình đã đoán trúng nên đổi giọng gay gắt:

- Thôi mi ơi, ta thấy mi rầu rĩ tới đây là đủ rồi đó nghe Phượng! Tung hê hết đi. Đời đã hết đàn ông đâu, nhất là đối với một đứa đẹp nghiêng thùng đổ rác như mi thì ta bảo đảm trong chớp nhoáng mi sẽ tìm được một người tài ba bằng mấy lần ông Lam. Như lão thầy dạy Công nghệ của bọn mình này giờ nhìn mi mê mệt đó thôi. Tội gì cứ khư khư tiếc nhớ một người bội bạc!

Đúng là hôm qua Phượng vừa nhận được thư Lam. Vẫn là những thương nhớ triền miên anh dành cho Phượng. Họ yêu nhau năm năm trời khi Phượng hãy còn là cô học trò lớp mười ngày thơ ngoan hiền như trang giấy trắng còn Lam thì từ một thị xã khô cằn ngoài miền Trung khăn gói vào Sài Gòn học đại học. Lam là con trưởng một gia đình nghèo đông em, cha đã qua đời. Anh vừa đi học vừa làm thêm, khi thì kèm trẻ, khi thì sửa xe và có khi làm cả thợ hồ để tự kiếm sống. Đến dạy

Phượng học, khâm phục trước nghị lực, thông minh cũng như sự tháo vát của Lam, cô đã yêu anh đến tràn ngập cả trái tim trinh nguyên của mình. Năm năm qua họ có với nhau bao nhiêu là kỷ niệm dịu ngọt lẫn hứa hẹn đầm thắm cho tương lai đôi lứa khi Phượng ra trường. Bất ngờ Lam lại được đi tu nghiệp tại Đức hai năm nhờ học bổng dành cho những người tốt nghiệp Cử nhân xuất sắc trong trường.

- Chỉ hai năm thôi, thời gian sẽ qua mau lắm, ráng chờ anh nghe Phượng!

Lam đã nói vậy trong lần đi chơi cuối cùng trước khi anh rời thành phố. Để tránh sự buồn bã của ngày ly biệt, Phượng còn nghịch ngợm:

- Anh không biết chớ mấy con bạn em ngoài Bắc vào có câu: Có người yêu để đi Tây/ Như rím (dream) không khóa để ngay bờ hồ, nên người lo lắng là em chứ không phải là anh đâu.

Phượng nhớ Lam còn trách giờ này mà Phượng vẫn còn đùa được trong khi anh đang tính chuyện rất nghiêm túc:

- Hai năm nữa em sẽ học xong, còn anh qua đó sẽ cố học và dành dụm để khi về đủ tiền cho hai đứa mình gây dựng gia đình. Anh chỉ lo về phía em bởi vì... Phượng quá đẹp mà anh lại ở quá xa.

Phượng dụi mắt vào vai Lam tìm sự gần gũi thân thương. Anh trầm tĩnh già dặn so với lứa tuổi. Có lẽ vì cuộc sống quá sức chật vật, đầy rẫy những lo toan đã lấn át đi nhiều bản tính hồn nhiên vô tư trong anh. Lam có biết đâu, chính vì vậy mà Phượng đã yêu anh với niềm tin yêu tuyệt đối mà không một chàng trai nào, dù có hào hoa phong nhã đi mấy nữa, vẫn không làm cô ngã nghiêng được.

Lam đi rồi, Phượng nâng niu trân

trọng từng chút kỷ vật còn sót lại. Trong ngăn kéo bàn học, Phượng âm thầm gìn giữ cái bật lửa rẻ tiền và hai điều thuốc nhàu nát để mỗi lần nhớ Lam, cô lại lấy ra ngắm nghía. Phượng đắm mê những chùm thơ tình da diết, tưởng như người ta đã viết dùm cho tâm sự của mình:

*Sài Gòn thu về anh thân yêu ơi/ Con
bão rớt chạy ngang thành phố đẹp*

*Những chấp nhận đắng cay và thua
thiệt/ Những rạn nứt và trăm điều bi thiết*

*Chảy thành sông thành biển cuốn trôi
rừng /Anh ở đâu, tình yêu rục rữa*

*Thành tro than đốt cháy buổi đầu/ Thu
Sài Gòn vẫn là thu bão*

Chuyển đến đời những biển nhớ lao đao...

(Phạm Thị Ngọc Liên)

Phượng đợi đúng hai mùa xuân, chăm chỉ học hành và thao thức viết thư cho người yêu, không đặt chân tới một chỗ vui chơi hội hè nào. Khi mùa đông đến, cô hăm hở đi mua len về cặm cụi đan một chiếc áo cổ lọ màu đồng đỏ với những mũi từng xoắn xuýt như mong ước cột chặt đời lứa đôi, gửi đến cho Lam. Đạo ấy, Hằng vẫn thường căn nhắc bạn:

- Nhỏ làm gì mà cặm cụi giữ vậy? Bộ trước khi đi lão Lam có bắt mi thể đọc là không được bay nhảy hả? Khùng! Đời là phải vui đâu - châu đấy, nhớ chưa!

Phượng muốn giải bày cho bạn, tuy Lam đi xa nhưng đối với cô, anh đang rất gần, vẫn chất ngất tràn đầy trong từng suy nghĩ, thì không một tiệc tùng nào có thể làm nguôi ngoai nỗi nhớ trong cô. Nhưng thôi, nói ra nhiều khi Hằng không hiểu, mà lại cười là Phượng mát dây cũng nên. Chơi với nhau từ hồi còn trung học, rất thân tuy tính tình hai đứa lại trái hẳn như

mặt trời-mặt trăng. Hè đến, Phượng đi học làm bánh, nấu ăn thì Hằng đi học nhảy. Phượng thích yên tĩnh đắm mình vào những trang sách thì Hằng lại thích lăn xả đến những nơi đông hội rộn ràng. Nhưng họ vẫn khăng khít, vẫn lắng nghe và thực lòng chia sẻ với nhau trong bất kỳ một niềm vui hay nỗi buồn đến với một trong hai người bọn họ.

Ba tháng trước, lá thư cay nghiệt đã đến với Phượng. Thời hạn hai năm đã qua, thay vì trở về, Lam quyết định kết hôn với một người đàn bà bản xứ đã nặng lòng yêu anh để anh có điều kiện ở lại Đức và qua đó là phương tiện để anh có thể tiếp tục phụ giúp bây em nheo nhóc một cách hiệu quả nhất. Anh không yêu bà ta nhưng anh phải chung sống đủ bốn năm theo luật định để được lưu trú vĩnh viễn rồi sau đó mới có thể ly dị được. Lam mong Phượng ráng đặt mình vào hoàn cảnh bó buộc của anh để thông cảm và chờ đợi thêm bốn năm nữa rồi sẽ có ngày họ được đoàn tụ đời đời.

Thoạt đầu, Phượng tưởng mình có thể phát điên lên được. Khóc lóc cách mấy, trách móc cách mấy rồi cuối cùng đành phải đầu hàng trước định mệnh. Khi nỗi đau lắng đọng, dần dà bình tĩnh lại, Phượng thấy nếu mình là Lam, chưa chắc gì mình có thể thảnh thơi để yên tâm lo toan cho hạnh phúc bản thân mà không nghĩ ngợi đến gánh nặng gia đình. Không có một số phận nào mà có thể tách rời ra khỏi những hệ lụy chung quanh. Cha mất, mẹ Lam một mình tần tảo nuôi sáu con. Chỉ có Lam là vào được đại học còn cả bây em thì ở nhà phụ mẹ làm rẫy. Phượng đã có lần theo Lam về thăm gia đình anh. Cái nghèo trần trụi từ mái tôn dột nát, bốn vách lá hở hang thông thoáng đến nền đất

lâm bụi khiến Phượng bàng hoàng, tiếp đó là những đôi mắt, những đôi mắt đối kháng sâu hóm trên gương mặt đen đúa hốc hác của đàn trẻ lại khiến Phượng bùi ngùi và cuối cùng là cảnh tranh giành nhau ăn những thứ bánh trái giản dị mà Lam mang về đã khiến Phượng rưng rưng. Nỗi thương cảm dào dạt đến nỗi trước khi về lại thành phố, cô đã tặng lại cho các em của Lam tất cả tiền bạc, quần áo, bóp ví mà cô mang theo, ngoại trừ một bộ mặc trên người và tám thẻ căn cước. Từ đó, mỗi khi nghe tin Lam về thăm nhà là Phượng lại hi hục đóng gói bao nhiêu là quà cáp cho anh mang về, vì không ai thấu rõ hoàn cảnh cơ cực của gia đình anh hơn cô. Cho nên khi nhớ lại những hình ảnh đó cũng đủ để thuyết phục Phượng trong giây lát là Lam đã quyết định không sai.

Trong cán cân tình cảm, Phượng biết mình không là một trọng lượng đáng kể nào cả so với tình nặng nghĩa sâu của cả gia đình Lam, vậy thì đành phải đau đớn chấp nhận cái tình hướng oái oăm vây chặt đời mình chứ than trách gì nữa. Giá như vì một lý do nào khác mà Lam nhất thiết phải vắng mặt một thời gian dài như thế, Phượng nghĩ là mình sẵn lòng chờ đợi như mẹ đã chờ đợi cha suốt sáu năm lao tù cải tạo. Còn nay Phượng chỉ ngự trị được trong tim của Lam trong khi người đàn bà kia lại sở hữu toàn bộ con người bằng xương bằng thịt của anh, thì đó là cả một sự châm biếm đầy tính chất bi hài trong định nghĩa tình yêu mà mỗi lần nghĩ đến, chính Phượng cũng thấy mỉa mai, chua xót, không biết mình có đủ cảm thông để vô vô chờ đợi Lam tiếp tục hay không. Phượng vật vờ sống như người mộng du không định hướng, không cần

một lời lý giải hay khuyên nhủ của ai cả, mặc cho dòng đời đưa đẩy mình đi.

Thần thờ, Phượng thu dọn sách vở cùng bạn ra về. Hôm nay thứ bảy, mọi người đều hớn hờ sắp đặt cho một cuối tuần giải trí vui nhộn. Chạy xe song song, Hằng đề nghị:

- Ê, tối nay con Lan Anh bên khoa Điện mời hai đứa mình đi dự sinh nhật đó. Ta lại đang muốn nhân tiện chuẩn tới thăm ông Kiệt vì độ này bố mẹ ta canh ta giữ quá, không đi đâu được. Yêu mà không gặp được nhau nên hôm nào ta cũng phải rên hừ hừ: Đêm qua ba bốn lần mơ, chiêm bao thấy bậu, dậy rờ chiếu không. Phượng nè, nhờ mi tối nay ghé ngang rủ ta một tiếng để ta ra khỏi nhà được không?

Phượng biết bạn muốn nhờ mình làm bình phong để có thể đến với tình nhân nên giãi bày:

- Thôi đi, lỡ mà bên nhà chồng mi biết là phiền lắm. Còn có mấy tháng nữa là sang bên đó rồi mà Hằng.

Hằng bủ môi:

- Lo bò trắng răng. Cả năm nay có sao đâu!

Đúng là chưa sao cả vì chỗ hẹn của Hằng và ông Kiệt là căn nhà lụp xụp của người họa sĩ nghèo trong một ngõ hẻm lầy lội phía sau cổng xe lửa số sáu. Phượng đã có lần cùng Hằng đến đó. Đường dẫn vào nhà ông Kiệt vòng vèo như trận đồ bát quái với những mái tôn vá vúi nhô ra vào khắp khển. Một bầy choai choai mặt mũi lác các đàn đúm hút thuốc lá, thấy hai cô gái liền buông lời chọc ghẹo tục tĩu. Đã đến quen mà Hằng cũng phải dò dẫm mãi mới tìm ra nhà. Phía sau nhà là một ruộng rau muống cạn đại chang và trên đầu dây điện cao thế kêu o o như gằm gừ đe dọa.

Kêu mãi nhà họa sĩ mới ra mở cửa với đôi mắt đỏ ké ngái ngủ trong bộ bà ba trắng nhàu nát. Quan sát ông Kiệt, Phượng phải nhủ thầm, ông ta hội đủ ba điều kiện để chứng tỏ ông là một họa sĩ chân chính! Thứ nhất là vì ông đã ngủ đến tận chiều tà, thứ hai là mái tóc rối bù được cột túm lại bằng một sợi cao su vắt vẻo sau lưng và thứ ba là nghèo xơ xác. Con Hằng nổi tiếng chơi bạo liều lĩnh trong trường đã biến mất. Trước mắt Phượng bây giờ là một cô bé Hằng hiền thực vừa lú lo dọn dẹp nhà cửa vừa bầy ra bàn các thứ bánh trái mà hai đứa đã khổ công đi cả buổi trưa mua sắm, kiêng vác kệ nệ như cho cả chục người ăn, vừa sùng kính ngược nhìn nhà họa sĩ ốm o gầy gò như đang mang một thứ bệnh trầm kha nào đó. Ông Kiệt rất ít nói, chỉ ừ hừ khi cần và cũng chỉ mở miệng khi cho thức ăn vào. Khắp bốn bức tường treo tranh la liệt. Toàn là tranh lập thể với những mảng màu chói chang mạnh bạo hoàn toàn trái ngược với vóc dáng của nhà họa sĩ khiến Phượng phải chóng mặt nghĩ thầm: Ông ấy phải đến mấy xứ lạnh may ra mới có khách hàng tiêu thụ nổi tranh của ông, chứ nếu mang trang trí những tấm thảm lửa này trong các phòng khách của Sài Gòn thì hành hạ thị giác của người ta quá đổi cho dù tài nghệ của ông phải công nhận là thuộc hàng siêu việt.

Tình yêu thật là trở trêu. Hằng tôn thờ ông Kiệt như tín đồ thờ phượng giáo chủ. Gương mặt không xinh xắn nhưng bù lại Hằng lại có một thân hình bốc lửa của tượng thần Vệ Nữ và cách ăn nói đốp chát, bạt mạng khiến vô số anh chàng sinh viên trong trường thần thờ, mê mết. Người may mắn hơn cả là anh hàng xóm của

Hằng (!). Anh ta đeo đuổi Hằng bao nhiêu năm mới xin được bàn tay người ngọc. Đơn giản vì Hằng muốn ra nước ngoài mà anh ta lại có giấy bảo lãnh sang Mỹ. Hôn thú đã xong xuôi và Hằng chỉ chờ xuất cảnh. Cha mẹ Hằng còn hân hoan hơn cả con gái vì hai gia đình vốn là chỗ quen biết lại thêm gia đình anh ta còn giàu có hơn gia đình Hằng rất nhiều. Ngày trước nhà Hằng không có một rẻo vàng vạc mà từ khi chồng sang Mỹ gửi tiền về thì nữ trang trên người Hằng lỉnh ra cả chục cây vàng, bố Hằng có cái xe gắn máy, mẹ Hằng có cái ti-vi và chị em trong nhà thì áo quần xanh đỏ, thay da đổi thịt thấy rõ. Phượng thở dài, chuyện mình đã rồi mà chuyện Hằng còn rối hơn! Đàn bà đúng là một trường số phức như ông thầy dạy toán có một đời tư hết sức lâm ly đã khẳng định một cách ai oán như thế.

Đến chỗ quẹo, Hằng cho xe đi chậm lại, thản nhiên nói với bạn:

- Nghĩ ngợi làm chi cho mệt Phượng ơi. Sống ngày nào vui ngày đó đã. Ông bà mình có câu này hay lắm, để ta đọc cho nhỏ nghe: Vui một đêm thành tiên - Phiền một đêm thành cú! Đời vốn đã đen như mồm chó thì ta không cần phải đeo thêm kính râm vào mà nhìn nữa. Mi cũng vậy, vướn vai đứng dậy ra mà hòa mình với cuộc đời để thấy còn rất nhiều niềm vui sống bao quanh. Nhớ chưa, tối ta đợi!

Phượng có biết đâu, tối hôm đó nghe lời Hằng đến dự sinh nhật Lan Anh, Phượng đã tình cờ quen Bảo và thành vợ anh sau một thời gian chóng vánh.

.....

Đêm đen khôn cùng nhưng mỗi lần nhắm mắt lại, Phượng thấy ngay cả cái đám cưới huy hoàng, rục rịch của mình.

Hôm ấy, Phượng lộng lẫy trong những voan, những sa tanh, những裳裳 ten, những ngọc trai trắng muốt và ngay cả những bông huệ tây như cái loa kèn cũng trắng tinh, đài các thướt tha. Hằng và các bạn gái phải há hốc trâm trồ thốt lên: Trời ơi, Phượng đẹp tuyệt trần y như con búp bê người ta chưng bày trong tủ kính của tiệm bán đồ cưới Thủy Tiên! Chưa kể lúc Phượng nâng tà áo bước lên xe hoa là một chiếc Limousine mui trần màu trắng thì thực là một hình ảnh tuyệt vời mà bao cô gái xuân thì phải mơ mộng, thèm thuồng. Riêng Phượng, cô có sung sướng, có hãnh diện với một ông chồng Việt kiều đúng hiệu con nai vàng không? Chắc chắn là có, vì Bảo có tất cả những điều kiện để một người con gái phải khao khát: hiền, chịu vờ, đứng đắn, có học thức và cả địa vị. Còn một điều thầm kín khác rộn ràng lên men trong suy tính của Phượng: Bảo là cây cầu giúp Phượng đến gần với Lam hơn, đưa Phượng đến ngay đất nước mà Lam cư ngụ không cần phải chờ đợi thêm bốn năm dài đặng đặng.

Bao ngày rồi, Phượng đã hình dung ra giây phút hội ngộ. Chỉ cần gục đầu vào lòng Lam. Không cần một ngôn từ nào cả. Nước mắt sẽ thay lời để kể hết những nhớ thương trùng trùng sau những năm xa cách. Lam mãi mãi ngự trị trong Phượng. Lam là mối tình đầu trong trắng với những rung động thật thà, không toan tính nên trở thành bất diệt trong tâm khảm người đàn bà...

Gió thổi mạnh khua những cành cây xào xạt ngoài vườn. Một cảm giác lạnh lẽo lướt qua khiến Phượng tự nhiên xích sát vào chồng. Trong cơn ngủ mê, Bảo trở mình vòng tay ôm vợ chử che. Chung

đụng bao lâu nay mà sao Phượng vẫn thấy vô cảm đến độ nhiều lần cô đã tự dần vật: Trời, trước bao sấn sóc nâng niu của Bảo mà tình yêu vẫn không sao nảy nở lên được, vẫn giới hạn trong khuôn khổ như là hàm ơn đối với một ân nhân, còn người mà mình ngày đêm trào sôi thương nhớ giờ đang âu yếm với ai? Rồi cái ý tưởng đã ray rứt Phượng từ khi bước chân tới xứ người lại bùng lên sau bao lần nghiền răng kim hãm: Có nên liên lạc với Lam không? Liệu anh có đồng lòng cùng mình làm chuyện động trời này? Tình mình có đủ sâu nặng để Lam có thể đánh đổi cả gia đình anh? Còn Bảo nữa, và cả vợ Lam đều là những người đoan chính, họ cũng biết yêu như mình, đã tận tụy hiến dâng tất cả để gây dựng một lứa đôi hạnh phúc, vậy họ có đáng trở thành nạn nhân của toan tính xảo quyệt này không?

Chắc chắn là không! Bao nhiêu lần trần trở là bấy nhiêu lần Phượng bị lương tâm day nghiến, xỉ vả: Như vậy là bạc ác lắm, thỏa mãn được cho có riêng mình mà bao nhiêu người sẽ bị khốn khổ lây. Đêm trước ngày cưới, hai mẹ con đã thức trắng cả đêm. Mẹ Phượng hiểu rõ hết nguồn cơn, vừa lau nước mắt cho con vừa dịu dàng thủ thỉ, người con gái nào lại chẳng có một vài mối tình ngang trái trước ngày lên xe hoa, nhưng khi chấp nhận chuyện sang ngang rồi thì phải dứt khoát giã từ với quá khứ, để thanh thản bắt đầu cho một đời sống vợ chồng chung thủy sắt son. Ráng mà nghĩ rằng, Phượng và Lam chỉ có duyên mà không có nợ. Chỉ khi nên vợ nên chồng rồi mới gọi là nợ nhau. Nợ tình đã lỡ vay thì phải trả cho đến trọn kiếp, cho dù người ta có muốn giữ bỏ cũng chưa chắc đã hết vẩn vương. Yêu đương chỉ

như pháo hoa rực sáng trong phút giây, trong khi hôn nhân lại là một bếp lửa âm ỉ sưởi ấm cho suốt cả một đời người, nên không bao giờ được xem nó như là một cuộc chơi, mà người ta có thể vào cuộc hay bỏ ngang một cách ngẫu hứng. Đó là chưa kể đến những mưu mô tối tăm, độc ác khác thì thật là vô cùng tán tận lương tâm. Mẹ cũng không quên nhắc đi nhắc lại câu nói của người xưa: Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân, nghĩa là đừng làm cho người những việc mà mình không muốn ai làm cho mình. Phượng ơi, lời nào của mẹ khuyên cũng đúng đắn, vậy thì hãy quên đi cơn bão tình đã một thời làm ta lao đao lặn độn! Cẩn môi cho đến khi bật máu mà quên. Đập đầu cộm cộp vào tường mà quên. Lấy dao rạch nát da ra để mà quên. Mình bây giờ như con nghiện, cần phải chữa trị mạnh tay, cứng rắn may ra mới dứt cơn được. Đường nào cũng bế tắc, phương trình nào cũng trở nên vô nghiệm cả rồi. Quay lưng với vũng lầy oan nghiệt để trở về với cuộc sống trần ngập yên vui mà mình đang có trên hai tay từ những yêu thương vô vàn của Bảo là đáp số duy nhất và đúng đắn nhất.

Phượng mếu máo lay chồng dậy để anh giúp cô vượt qua cơn động tâm khốn khổ này...



**Trần Thị
Hương Cau**
(Germany)

ĐÁM CƯỚI TRẮNG

Trời thật trong
Mây thật trắng
Biển mênh mông một màu xanh biếc
Cát thật êm
Gió thật mát
Nắng chan hòa trên những bẹ dừa loi là
Hơn tám mươi người trong những bộ
đồ màu trắng
Ngồi trên những chiếc ghế trắng
Cùng hai bà mẹ tóc nay cũng đã có
những sợi trắng
Và kia chú rể đứng sừng sừng trong
bộ đồ thật trắng
Cùng hướng về một phía có những
đốm trắng
Những đốm trắng tung tăng nhảy nhót
Cầm trong tay những chiếc giỏ màu trắng
Có những cánh hoa thật trắng
Rải đều xuống bãi cát trắng
Đó là những cô bé "flower girls"
liếng thoảng
Cùng cậu bé "ring boy" mặc bộ đồ
ngắn màu trắng
Phía sau là cô dâu nhỏ nhắn
Vô cùng xinh tươi
Trong chiếc áo cưới màu trắng
Mái tóc bới cao cài hoa Lan trắng
Hân hoan với bó hoa hồng trắng trên tay
Một "quyên huỳnh thế phụ"
Đưa cô đến, giao tận tay người đàn ông
Và
Kể từ ngày hôm nay
Giữa trời và đất
Trong nắng và gió
Trên bãi cát mênh mông màu trắng

Bên cạnh là biển màu xanh biếc
Cùng với thân nhân bạn bè
Chứng nhân là thầy sáu
Trân trọng hứa rằng
Sẽ yêu thương chăm sóc cô
Cho đến hết cuộc đời này
Cô cùng với đôi mắt long lanh
Với môi cười run run
Thề rằng
Cùng có cùng giữ
kể từ ngày này trở đi
dù sướng dù cực
dù giàu dù nghèo,
khi đau như khi mạnh,
vẫn yêu vẫn quý
cho đến khi
tử thần phân chia đôi ngã.

Hoàng Dung

Nassau, Bahamas - May 3, 2008



NHỮNG NGÀY TÁI NGỘ KHÓ QUÊN

Nguyễn Thị Xuân Nga

Nhân dịp Tết-Hạnh, con gái tôi đi họp về “Council for Asian American Leader” tại San Jose, California nên tôi đã đi cùng để thăm mấy người bạn cũ và hai cậu em họ. Lúc 9 giờ sáng ngày 18-02-2009 chúng tôi rời nhà ở New Jersey để tới phi-trường Philadelphia. Sau khi gửi xe ở cạnh phi-trường, chúng tôi được xe buýt chở đến cổng South West Airline. Hôm này vì nền kinh tế bị suy thoái, hành khách không đông-đúc như hồi trước nên thủ-tục lấy vé và gửi hành lý rất mau do đó chúng tôi có gần hai tiếng đồng hồ ngồi chờ. Lúc 13 giờ chiều thì chúng tôi được gọi lên máy bay để đi đến phi-trường Minneapolis. Hôm nay trời mưa nên phi công cho biết là máy bay sẽ bị sóc và yêu cầu hành khách luôn luôn gài dây an-toàn. Tuy nhiên máy bay cũng không sóc mấy và một lúc sau thì trời quang đãng nên rất êm. Bốn giờ sau thì phi cơ đáp xuống phi-trường Minneapolis. Sau khi rời máy bay lại phải đi bộ rất xa để đến một cổng khác ngồi chờ, chừng hơn một giờ sau mới lên máy bay South West Airline để tới San Jose. Sau hai giờ bay, đến 21 giờ thì máy bay hạ xuống phi

trường San Jose. Lúc này trời mưa lâm tâm mà máy bay lại không có cổng để đi thẳng vào trong nên phải đi bộ một quãng ngắn. Trong lúc đi lấy hành lý thì Hạnh gặp hai bà kỹ-sư người Ấn-Độ cũng là nhân viên của hãng Lockneed Martin nên nhập bọn, thuê taxi rồi cả bốn người cùng nhau về khách-sạn Marriott ở đường South Market. Tôi lập tức gọi điện thoại cho cô Loan, là vợ của Phúc con em ruột của mẹ tôi, gọi cậu Khôi con em ruột của bố tôi, điện thoại cho Hường, Trưng-Vương khóa 57-64, anh Hanh bạn học ở Đại-học Sư-phạm, để hẹn ngày giờ gặp nhau. Hường hẹn ngày hôm sau sẽ đến chở tôi đi thăm Diệp, bạn cùng học của tôi ở Trưng Vương, Chu-Văn-An và Đại học Văn Khoa.

Mười giờ sáng ngày thứ Năm, 19-2 Hường cùng với phu quân là anh Hùng tới đón tôi tại khách sạn. Sở dĩ tôi quen Hường vì năm 2001, Hường là trưởng ban báo chí Trưng Vương nên tôi đã gửi bài để đăng. Lần đầu tiên gặp gỡ anh Hùng và Hường tôi thấy có cảm tình ngay vì hai người thật dễ thương. Tôi tặng Hường một sợi dây đeo cổ hình chữ H xinh xinh. Anh

Hùng chở chúng tôi tới một khu thương xá Việt Nam. Hường dẫn tôi tới một tiệm bán DVD. Hường giới thiệu bộ phim truyện Chạy Án, Hường nói là rất hay nên tôi mua ngay quả nhiên cho mấy người bạn xem, ai cũng khen hay. Tôi cũng mua thêm một bộ nữa là Xóm Suối Sâu. Sau đó đến tiệm bán thực phẩm, Hường mua tặng tôi một gói bột nêm nấm, sau đó đến tiệm nước mía, Hường mua 4 cốc nước mía để đem đến nhà Diệp và sau cùng là chở tôi đến Walgreens để tôi mua ensure và nước juice tặng Diệp vì bạn ấy bị ung thư, đang ở thời kỳ chữa bệnh... Sau hơn 40 năm xa cách bấy giờ được gặp lại nhau, tôi và Diệp ôm nhau mừng rỡ! Diệp mua ở tiệm để đãi chúng tôi món bún chả cá, thịt nướng. Tôi cho Diệp coi mấy tấm ảnh chụp năm Đệ tam A cùng với thầy Chương và thầy Xương. Diệp đọc vanh vách tên các bạn. Diệp thích quá, nên tôi đã tặng Diệp những ảnh ấy. Tôi chụp mấy tấm ảnh kỷ niệm cùng với Diệp, anh Hùng và Hường. Khi về lại New Jersey, tôi đã in ngay và nhờ Hường chuyển cho Diệp. Không ngờ đó lại là cuộc gặp gỡ cuối cùng vì ngày hôm sau Diệp phải vào bệnh viện và hơn ba tháng sau thì vĩnh viễn ra đi, để lại sự thương tiếc cho bao người thân và bạn bè. Bài viết này cũng như một nén hương lòng để tưởng nhớ Diệp, người bạn hiền và rất dễ thương của tôi. Chúng tôi ở chơi hàn huyên với Diệp được mấy tiếng đồng hồ, lúc hơn 14 giờ chiều thì ra về. Khi tới khách sạn thì thấy tin nhắn của

cậu Khôi. Tôi lập tức gọi lại thì cậu ấy hẹn sẽ đến chở tôi đi thăm anh chị Hạnh.

Lúc 17 giờ chiều, cậu Khôi đến khách sạn. Sau hơn 10 năm, hai chị em mới gặp lại nhau thật là vui. Anh Hạnh là bạn học Sư phạm cùng với tôi và đồng thời anh cũng là học trò cũ của hai anh tôi là anh Thành và anh Hải trong thời gian chúng tôi chạy tản cư về làng Lãng Tĩnh, thuộc huyện Đông Quan, tỉnh Thái-Bình. Khi gặp lại anh tôi vô cùng xúc động khi nhìn thấy anh từ trong phòng chống gậy, chậm-chạp đi ra, đầu anh đội cái mũ nâu trông như một nhà sư. Hai bàn tay anh bị phong thấp co rút lại, không khoèo. Anh Hạnh đã gần 80 tuổi. Chị Hạnh tuy đã 80 tuổi nhưng vẫn còn khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Chị nói: “Hồi đó cô nhỏ xíu (9,10 tuổi).” Lúc đó anh chị ấy đã lập gia đình rồi. Gặp tôi chị ấy mừng lắm, cứ tiếc là tôi không ở chơi với anh chị ấy được lâu để chị dẫn tôi đi chùa. Lúc 19 giờ tối, chúng tôi từ biệt anh chị Hạnh rồi về nhà cậu Khôi. Mẹ Khôi đang chuẩn bị bữa cơm tối. Cậu Khôi có đứa cháu nội lai Ấn-Độ kháu-khỉnh, cặp mắt to. Lúc mới gặp tôi thì nó mắc cỡ, chạy trốn, nhưng chừng 15 phút sau là cháu quen ngay, dẫn tôi đi giới thiệu chỗ này chỗ kia; tới quây rượu nó còn chỉ cho tôi xem đâu là chai rượu mạnh nhất của ông nội nó. Cậu Khôi cũng vừa mới có thêm một cháu nội gái nên tôi mua tặng bộ áo đầm. Sau bữa cơm, ngồi chuyện trò với cậu mẹ Khôi, mãi đến gần 22 giờ đêm cậu Khôi mới chở tôi về lại

khách sạn và hẹn ngày hôm sau sẽ chở tôi đi lễ chùa.

Sáng sớm ngày thứ Sáu, 20-02-2009, cậu Khôi tới đón tôi và chở đến chùa Đức-Viên là một ngôi chùa Việt Nam lớn nhất ở San Jose. Chùa khá lớn, mái lợp ngói đỏ, sáu bậc thang dẫn vào chánh điện cũng lát gạch đỏ rất nổi. Ở sân phía trước, có một đôi hạc bằng đồng rất lớn đầu cao hơn mái chùa. Chính giữa là tượng Đức Bồ Tát cưỡi trên lưng một con sư-tử, tất cả đều bằng đá trắng muốt. Bên tay trái đằng sau của con hạc là một bể đá, phía ngoài được trạm trổ công phu, bên trong đựng một hòn non bộ bằng đá xanh thật lớn, cao tới mái... Ở hai bên cửa chánh điện là hai chậu hoa bằng đá đỏ, trồng cây cảnh, phía gốc có hoa đầy màu sắc vui tươi. Cửa chánh điện màu nâu, trạm trổ rất khéo, phía trước có treo hai cái đèn lồng. Ở phía sau chùa có tượng Đức Phật Thích Ca bằng đá trắng ngồi trên bệ là hình con rắn quấn quanh lại và đầu rắn là cái mái che phía sau đầu ngài. Hình này là để nhắc lại lúc Đức Phật ngồi thiền tuần lễ thứ hai trên hồ tại Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ. Lại còn một tượng Đức Phật Quán Thế Âm cũng bằng đá trắng, phía trước là bàn thờ và bát hương bằng đá xanh cũng được trạm trổ, hai bên là hai khóm trúc già, màu vàng, lá xanh mềm mại. Một tượng Đức Phật lúc ngài mới dẫn sinh, đang đứng, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất. Trong vườn trồng nhiều cây cảnh và các loại hoa đặc biệt đầy màu

sắc. Sau lễ Phật, tôi cúng tiền để in kinh sách và giúp những người nghèo ở Việt Nam.

Sau khi rời chùa Từ-Viên, cậu Khôi chở tôi đi chùa Kim-Sơn, do thầy Tịnh-Từ sáng lập. Chùa ở trên ngọn đồi cao. Con đường lên núi hẹp và ngoằn ngoèo nhưng cậu Khôi tuy đã 76 tuổi rồi mà lái còn vững vàng lắm, phóng khá nhanh nên tôi cũng thấy hơi sợ. Đi đường hai chị em mãi nói chuyện nên bị lạc vì đi quá chỗ rẽ. Về sau phải hỏi thăm đường để quay lại và khi tới chùa thì đã 11 giờ. Chùa có một căn nhà để làm việc và ở còn chánh điện chưa bắt đầu xây cất, mới chỉ được căng lều để làm chỗ hành lễ, nhưng ở mé ngoài thì đã trồng cây cảnh và đã an vị nhiều tượng Phật rất to và trắng muốt. Nào là tượng Đức Thích Ca nhập diệt, tượng Ngài ngồi tọa thiền trên một bệ đá to; nào là tượng Đức Quán Thế Âm với nét mặt dịu hiền, tọa thiền trên tòa sen bằng đá trắng, một tay bắt ấn một tay cầm bình nước cam lồ rót xuống trần gian. Phía tay phải của ngài là tượng Đức Phổ Hiền cưỡi trên lưng con voi sáu ngà; phía trái là tượng Đức Văn Thù cưỡi trên lưng con sư tử. Cũng còn tượng của Đức Địa Tạng, ngồi, mắt nhìn xuống, tay cầm sợi dây để kéo những chúng sinh từ cõi Địa ngục lên. Ở ngay lối vào chùa là một tượng Đức Di-Lạc thật lớn, với khuôn mặt rực-rỡ, miệng cười thật tươi. Sau khi hai chị em lễ Phật xong thì tôi xuống dãy nhà ngang để cúng tiền xây Chánh điện. Cuối cùng tới mục

chụp ảnh. Cậu Khôi đã chụp hộ tôi rất nhiều ảnh đứng trước các tượng Phật rất đẹp. Khi về lại tới thành phố thì đã là buổi trưa nên cậu Khôi mời tôi tới tiệm ăn món bánh xèo, bánh tôm và phở. Gần 3 giờ chiều mới về đến khách sạn.

Gần 16 giờ, cô Loan đến đón tôi. Cách đây hơn hai chục năm, cậu Phúc cưới vợ tôi không tới tham dự được nên chưa hề gặp cô Loan mà chỉ được nhìn ảnh và nói chuyện qua điện thoại mà thôi. Tuy nhiên khi Loan lái xe đến trước khách sạn thì tôi cũng nhận ra ngay và Loan cũng nhận ra tôi nên khi thấy tôi tiến gần đến xe thì hỏi ngay:

-Có phải chị là chị Nga không ạ ?

-Đúng rồi, em Loan đấy à?

Loan rất dễ thương và nhiệt tình, luôn hiếu khách. Loan chở tôi tới Trung Tâm Thương Mại lớn nhất của



San Jose là Grand Century. Tôi và Loan chụp cho nhau những tấm ảnh ở trước cửa. Sàn ở phía ngoài cũng được lát gạch tráng men màu hồng nhạt bóng loáng. Họ kê nhiều bàn ghế và có dù che mưa nắng để cho khách ngồi nghỉ chân . Ở đó thấy mấy ông cao niên đang ngồi đánh cờ. Bên trong sàn nhà cũng đều được lát gạch tráng men rất sạch sẽ. Tới một cửa tiệm bán quần áo của Hồng Kông, tôi thấy một

cái áo cổ cao bằng hàng mỏng màu đen, có hoa màu gỗ hồng, màu vàng mơ, lá cũng màu vàng mơ lại điểm thêm những hạt kim tuyến óng-ánh trông rất dễ thương. Thấy tôi khen đẹp, thế là Loan nhất định đòi mua để tặng tôi, cảm thế nào cũng không được. Lúc này đã thấy khát nước nên khi đi ngang qua tiệm bán nước mía, Loan ghé mua hai cốc mỗi cốc 3 đồng rưỡi. Cốc nước rất to nên tôi phải uống cố mãi mới hết. Sau đó đi xem những cửa tiệm bán hàng để may áo dài rồi vào chợ nữa... Đến 18 giờ chiều thì trở lại khách sạn để đón Hạnh vì lúc đó Hạnh

mới họp xong. Cô Loan khẩn-khoãn mời chúng tôi đến ở nhà cô ấy qua đêm để ngày hôm sau sẽ chở chúng tôi đi thăm cầu Golden Gate. Thế là hai mẹ con tôi lại phải mang theo quần áo để đến ngủ ở nhà

cậu Phúc, cô Loan .

Nhà của cô Loan và cậu Phúc ở vào một khu vực đất tiền, yên tĩnh. Cô Loan cho biết là trước kia căn nhà này nhỏ chỉ có ba phòng ngủ, mà con đông (4 trai, một gái) nên đã phá toàn bộ và xây lại nên rất tiện nghi với 4 phòng ngủ và nhiều phòng tắm, phòng khách, phòng ăn và phòng họp gia đình đều rộng rãi. Có nhà để xe chứa được hai ô-tô. Hàng rào bằng sắt hoa sơn

trắng lịch-sự, được lắp máy tự động để mở cửa nên tiện lợi. Năm bức thêm bằng gạch đỏ để dẫn đến cửa vào nhà.

Mấy chục năm mới gặp lại cậu Phúc, thật là mừng. Tối đó cô Loan đãi ăn bún thang và cơm rang. Một nồi đậu đỗ bánh lọt to tướng để tráng miệng. Mấy cháu con cậu Phúc, cô Loan rất dễ thương. Cô Loan khéo dạy dỗ nên các cháu rất ngoan và biết giúp đỡ bố mẹ làm các việc trong nhà. Vừa ăn xong là cháu Hồng Danh tự động thu bát đĩa đem rửa. Tôi tặng cô Loan sợi dây chuyền xinh xinh và tặng các cháu bánh cookies. Sau bữa cơm, chúng tôi ngồi hàn huyên mãi tới khuya mới đi ngủ.

Ngày 21-02-1009, sau khi ăn điểm tâm xong thì khởi hành đi San Francisco. Tất cả gồm 7 người: Cậu Phúc cô Loan, 3 cháu Hồng Danh, Hồng Nhân, Hồng Huân, tôi và Hạnh. Từ nhà sang đến San Francisco phải mất hơn một giờ lái xe mà 15 giờ chiều là Hạnh phải có mặt ở khách sạn để dự bữa tiệc "Asian Engineer Of The Year Award Dinner" và chiều đó tôi cũng có hẹn với Trâm nữa. Vì thì giờ eo hẹp do đó trên đường đi, cô Loan đã ghé vào tiệm bánh mì Dakao mua cho mỗi người một ổ bánh mì to để ăn trên xe chứ không có đủ giờ để vào tiệm ăn được. Lúc 11 giờ trưa thì tới cầu. Đậu xe xong là vội-vã dẫn nhau đi chụp ảnh liên miên, có tới mấy chục tấm.

Ở tỉnh San Francisco, thuộc Tiểu bang California, Hoa-Kỳ có hai cây cầu đẹp và nổi tiếng thế giới là cây cầu Golden Gate

và San Francisco/Oakland Bay Bridge, hàng năm đã thu hút hơn chín triệu người thăm viếng.

Lịch sử của cầu Golden Gate. Vào ngày 15 tháng Tám năm 1929, Joseph Bearmann Strauss đã được chọn đứng đầu những kỹ sư để thực hiện chương trình và ngày 27 tháng Tám năm 1930, ông đã đưa ra cái đề án cho "the Bridge District Board". Sự xây cất bắt đầu vào ngày mùng 5 tháng Giêng năm 1933. Cầu đã mở cửa cho khách bộ hành vào ngày 27 tháng 5 năm 1937 và ngày hôm sau thì xe cộ bắt đầu được đi qua.

Sự xây cất cầu Golden Gate. Sàn được treo bởi những sợi dây cáp từ những cái tháp cao 764 feet, 191 feet cao hơn Washington Monument. Nó đòi hỏi những dây cáp cầu lớn nhất. Mỗi dây cáp được cuốn bởi 27,572 sợi dây thép. Phải mất sáu tháng và chín ngày để quấn những dây cáp đó. Cầu phải có những đập chắn nước. Đập chắn nước phải ở cách xa bờ biển 1,125 feet. Ở mỗi chân cầu, những túi khổng lồ được đào từ những khối đá chắc để cho những đập chắn xuống, mỗi cái nặng 30,000 khối bê-tông. Tổng cộng đã dùng hết 389,000 khối bê-tông Những miếng thép làm cầu của công trình này là ở New Jersey, Maryland và Pennsylvania. Những miếng này được chở bằng tàu qua sông đào Panama để tới vịnh San Francisco. Cái cầu này cần dùng tới 83,000 tấn thép. Trong lúc xây cầu đã có 11 người đàn ông bị chết. Tổng phí cho

việc xây cây cầu này là 35 triệu rưỡi Mỹ-kim. Lượng lưu thông của xe cộ hàng ngày là 111,493 xe. Tiền thuế cầu hàng năm thu được là 59 triệu, 289 ngàn, và tới ngày nay đã thu được là 1 tỷ, 252 triệu, 966.454 Mỹ kim. Cầu Golden Gate màu đỏ gạch, dài 8,981 feet, rộng 90 feet, cao trên mặt nước 220 feet, chóp cầu cao 746 feet. Hồi tháng Mười, năm 1989, ở California có động đất 7.1 ở ngay vùng vịnh, cầu Golden Gate bị hư hại và đã được sửa chữa ngay.

Oakland Bridge Bay. Đó là cây cầu làm bằng thép dài nhất thế giới, với 4.5 miles trên mặt nước. Mỗi đập chắn của nó, lớn hơn cái Kim tự tháp lớn nhất của Ai-Cập và chứa đựng nhiều bê-tông hơn Empire State Building. Cầu dài 8.25 miles, bề ngang rộng 90 feet. Đường kính của dây cáp chính là 28.3/8 inches. Số dây thép dùng cho mỗi cable là 17,644. Tổng cộng chiều dài của dây cáp là 70,815 miles. Tổng cộng tiền phí tổn để xây cầu này là 79 triệu rưỡi. Cầu được mở cửa từ ngày 12 tháng 11, 1936. Xe cộ lưu thông hàng ngày là 280,000 cái.

Sau khi ngắm cảnh và chụp ảnh xong, chúng tôi lên xe để đi thăm phố Tàu. Bây giờ là lúc thưởng-thức bánh mì Dakao. Trên đường đi gặp những căn nhà nho-nhỏ xây san-sát nhiều màu sắc: hồng, vàng, xanh, nâu... Khi tới phố Tàu thì gửi xe rồi đi bộ để xem mấy phố. Ở đây đường phố rất chật hẹp. Có những con đường mà xe phải đậu kênh lên, một nửa ở dưới đường,

một nửa ở trên lề đường trông rất ngộ. Tại đây lại có nhiều con đường rất dốc nên mỗi khi phải băng qua thấy ghê, chỉ sợ xe họ đang chạy ngon trốn không kịp hãm thì lãnh đủ. Gần 14 giờ chiều thì ra về; Cậu Phúc chở cô Loan và các cháu về nhà rồi mới đưa chúng tôi về khách sạn, chờ Hạnh thay áo dạ hội và chở tới nơi có dạ tiệc.

Lúc gần 17 giờ thì Trâm, điện thoại cho biết chừng 15 phút sẽ tới khách sạn. Trâm là bạn thân của tôi tại trường Trung Học Trưng Vương và Đại Học Văn Khoa Sài-Gòn, còn hôn phu của Trâm là anh Phái, lại là bạn học cũ của ông xã tôi ở Chu Văn An. Tôi đã làm phụ dâu cho Trâm ngày đám cưới... Khi gặp nhau thì nhận ra ngay vì Trâm vẫn nhỏ bé loắt choắt như ngày nào chỉ mái tóc là bạc trắng cũng như tôi. Trâm và anh Phái đã phải lái hơn 2 giờ đồng hồ từ Sacramento để tới gặp tôi. Hai đứa ôm nhau mừng rỡ vì đã hơn 40 năm mới gặp lại. Trên đường đi đến nhà hàng, anh Phái nói là quên không mang theo máy hình. Tôi cho biết là tôi có mang theo rồi. Thế là chúng tôi đã chụp được mấy tấm ảnh kỷ niệm. Tôi được trâm và anh Phái đãi ăn ở một nhà hàng sang trọng. Ăn chơi món gỏi ngó sen rất ngon, rồi món sò, tôm. Ăn cơm với món canh chua cá bông lau và món sào. Ngồi ăn mà Trâm cứ luôn nắm lấy tay tôi. Hội ngộ vài giờ đồng hồ tuy ngắn ngủi nhưng thật là quý.

Winchester Mystery House. Ở San Jose có một căn nhà bí ẩn có tới 150

phòng do một người đàn bà tạo ra. Căn nhà này trước kia chỉ có ít phòng thôi nhưng sau khi ông chồng bị chết rồi con bà ta cũng chết nên bà ta nghĩ rằng có thể vì trước kia chồng bà đã chế tạo ra súng, làm chết nhiều người nên hồn ma báo oán. Năm 1950, khi ông chồng chết bà được một triệu đồng tiền bồi thường (life insurance) nên bà mượn thợ đến xây thêm phòng. Nhóm thợ làm việc liên tục 24/24 vì bà tin tưởng rằng lúc nào cũng có người đóng gờ thì hồn ma sẽ không xuất hiện được. Mà cách xây cất cũng lạ lùng, lắt, có phòng cửa lại trở trên trần nhà... Cứ tiếp tục xây dựng như vậy cho tới lúc bà chết thì số phòng đã tăng lên là 150 phòng. Hiện nay người ta mở cửa cho mọi người vào xem để lấy tiền.

Ngày 22-02-2009, lúc 9 giờ sáng, hai mẹ con đang chuẩn hành lý và sắp sửa gọi taxi để ra phi-trường thì nghe tiếng gõ cửa phòng. Khi mở cửa ra thì thấy cô Loan. Chiều hôm trước khi từ già Cô Loan, cậu Phúc để hôm sau về lại New Jersey. Cô Loan ngờ ý muốn chở ra phi trường nhưng Hạnh đã từ chối và nói: “cô cậu ở xa lại phải đi xuống mất công, để cháu kêu taxi, vì khách sạn chỉ cách phi trường có 5 miles thôi vả lại sở cháu cũng trả mà.” Tuy nhiên Cô Loan, cậu Phúc cũng vẫn tới mà còn mang cho hai cốc đậu đỏ bánh lọt và hai ổ bánh mì thịt nguội nữa. Hai mẹ con chỉ nhận một cốc đậu đỏ, chia nhau ăn tại khách sạn vì chỉ có bánh mì mới mang theo vào phi trường được thôi.

Tới nơi, cô Loan còn theo vào đến chỗ lấy vé và gửi hành lý, mãi tới khi phải vào chỗ khám người thì cô mới ôm chúng tôi, từ già ra về. Sự tiếp đãi của cậu Phúc cô Loan thật ân cần và chu đáo. Lúc 11 giờ sáng, chúng tôi được gọi lên máy bay. Mấy ngày chúng tôi ở San Jose trời nắng ráo, thật đẹp; nghe nói mấy hôm trước trời mưa tầm tã. Sáng nay thì trời cũng hơi mưa nên khi ra sân để lên máy bay phải che dù. Khoảng gần 17 giờ chiều thì tới phi trường Minneapolis.. Chúng tôi vội vã tìm đến cổng E để đáp máy bay về Philadelphia. Khoảng 18 giờ chiều thì các hành khách được gọi lên máy bay. Ngồi trên phi cơ được một lúc thì thấy đèn bị tắt tối thui, mấy phút sau đèn được thắp sáng trở lại. Cứ bật tắt như vậy mấy lần. Cuối cùng thì họ thông báo cho hành khách biết là phải chuyển sang phi cơ khác. Thật là hú vía! Máy bay đã trực-trục trước khi cất cánh. Mỗi khi đi máy bay tôi thường niệm Phật, cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho đi đường được bình an. Tôi nghĩ nhờ sự cầu xin này mà máy bay đã trực-trục trước khi cất cánh. Nếu đã bay rồi điện mới hư thì thật là nguy hiểm. Chúng tôi đã trở về tới phi trường Philadelphia an toàn lúc 21 giờ tối. Sau khi lấy hành lý và lái xe về tới nhà đã gần nửa đêm.

Chuyến đi này rất vui và thích thú vô cùng.

New Jersey ngày 18 tháng 7, 2009.

Nguyễn Thị Xuân-Nga

TỊNH BIÊN VÀ NỖI NHỚ

*Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Theo con đường Beach, anh đi lên núi,
mong tìm lại mái tóc mây,
chỉ thấy mây vương ngang sườn núi.
Rừng, núi chập chùng,
đón anh bằng ngọn gió heo may.*

*Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Theo con đường Beach, anh đi xuống biển,
mong tìm lại ánh mắt long lanh,
chỉ thấy hàng hàng, lớp lớp sóng xô bờ,
lấp lánh trong ánh nắng vàng rực rỡ,
đón anh bằng một chú hải âu lẻ loi.*

*Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Theo xa lộ 405, anh vào thung lũng
Antelope
để tìm lại nụ cười rực rỡ của mùa xuân,
với đôi môi hồng chín mọng tình ái,*

*chỉ thấy hoa poppy đỏ thắm,
bát ngát một phương trời
đón anh bằng tảng đá le loi.
Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Xuôi theo xa lộ 405, anh vào vùng hoang dã
để mong được nghe lại những lời âu yếm
thiết tha,
chỉ nghe gió heo mây thì ào qua kẽ lá,
đón anh bằng mấy gốc thông già.*

*Tịnh Biên,
Hỡi Tịnh Biên,
cô sinh viên xứ Huế,
ngày hai lượt qua cầu Tràng Tiền,
“khiến cho giòng Hương giang hờ hững,
cũng nao nao!” (1)*

*Tịnh Biên,
Hỡi Tịnh Biên!
Anh gọi tên em trong nỗi quay quắt nhớ.*

*Tịnh Biên,
Hỡi Tịnh Biên!
Anh gọi tên em trong nỗi ngơ ngẩn sầu.*

*Tịnh Biên,
Hỡi Tịnh Biên!
“gọi tên em mãi,
trong cơn mê này,
mình nhớ thương nhau...” (2)*

TẠ QUANG TRUNG

Orange County – Xuân 07

(1) Nhạc Hoàng Nguyên

(2) Nhạc Ngô Thụy Miên

NGƯỜI KHẮC TÊN BIA MỘ

TIÊN SỰ LÊ LUYẾN

1- Khoanh kín cuộc đời trong chiếc kén cô đơn lạnh lùng của ngày tháng thoi đưa, nhìn ông lão hiền lành ít nói, ngày ngày mài miết đục chạm trên mặt đá trắng, không ai có thể biết được ông đang nghĩ điều gì trong lòng. Dáng người xương xẩu khắc khổ, mái tóc muối nhiều hơn tiêu, lòa xòa phủ vầng trán rộng điểm những vết nhăn. Ông mặc trên người bộ bà ba màu xanh chàm mộc mạc, xốc xếch, luôn mở phanh ngực áo để lộ vết xăm hình đầu cọp. Nhìn ông lặng lẽ làm việc, tôi không tìm ra ở nơi ông bất cứ đặc điểm gì để có thể nghĩ rằng ông là một nghệ nhân điêu khắc tài hoa, chẳng những vang danh khắp vùng quê hương Ngũ Hành Sơn mà còn đồn xa ra cả nước. Con người ông tất cả đều thật bình thường, duy chỉ cặp mắt là khác lạ. Có lúc lơ đãng mỗi một người mất ngũ kinh niên. Có lúc mơ màng vô hồn như sống trong cõi hoang tưởng xa xăm, mơ hồ nào đó. Nhưng cũng có lúc từ hai hố mắt trũng sâu ấy bỗng phát xạ ra những tia sáng dữ dội, lạnh lẽo đầy hăm dọa. Ông là biểu hiện của một nghệ sĩ đam mê, một kẻ cuồng trí hay một tên tội phạm giết người? Đố ai biết được điều gì đã xảy ra cho cuộc đời ông. Chỉ biết ông tuổi chừng sáu mươi nhưng người dân thì bảo ông chỉ mới năm mươi. Đau khổ,

tuyệt vọng và hận thù đã dày dọ, làm quắt queo thân xác ông già đi trước tuổi. Người ta kể rằng ông đã có một quãng đời thật sóng gió và yên hùng. Ngày theo đơn vị về đóng quân ở đây, ông hãy còn thật trẻ. Ông là Thượng úy trong một đơn vị đặc công, từng được gửi đi huấn luyện ở Nga.

2- Ngày tôi chuẩn bị về thăm Việt Nam, một người bạn cùng quê mời đến nhà chơi và đưa cho xem bức tượng điêu khắc hình một người con gái xoắn tóc đang uốn mình trong vũ điệu, cao khoảng 18 inches bằng đá trắng Non Nước. Bạn tôi tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn. Sau khi qua Mỹ, anh dành nhiều thời giờ học hỏi và nghiên cứu thêm về trường phái tạo hình, do vậy cái nhìn của anh thật bài bản và đầy tính nghệ thuật. Anh chỉ cho tôi thấy những đường nét sắc sảo, độc đáo và sáng tạo của người nghệ nhân khi khắc tượng. Từ nguồn cảm xúc rung động mãnh liệt đến sự suy tư sâu sắc của tâm hồn, cứ tưởng chỉ là một bước nhỏ nhưng kỳ thật là cả một thời gian dài mài luyện công phu giữa người nghệ sĩ và tác phẩm. Từ đó, công trình mỹ thuật tuy thoát thai từ căn bản nhưng cái cốt lõi chính vẫn là phần hồn sống động của con người, biến những đường nét điêu khắc thành một bức tượng linh động, kỳ ảo, đầy sinh khí và có sức sống riêng biệt, một sinh mệnh độc

lập như là thật trong không gian ba chiều, đồng thời tạo được ấn tượng mạnh mẽ cho người thưởng lãm, sự xúc động nội tại sâu sắc khi chiêm ngưỡng tác phẩm. Đó là yêu cầu tuyệt đỉnh của nghệ thuật. Và đến lúc đạt được điều đó thì người nghệ sĩ đã thành công trong quy trình kiến tạo ra một con người *sống* ở trên một vật thể *chết*.

Sau khi giải thích khái quát, anh bạn ngỏ ý nhờ tôi về quê tìm đến chính người nghệ sĩ tài hoa ấy, đặt làm cho anh một bức tượng khác, theo ý của anh. Người thợ điêu khắc đó đã được đời đặt cho một cái tên thật kỳ dị : ***Người khắc tên bia mộ***.

Và đó là lý do tôi có mặt trên vùng đất Ngũ Hành Sơn để được nghe kể lại một câu chuyện tình thương tâm, bi phần của người nghệ sĩ lỗi lạc với cô gái mỹ miều, chôn chắt quê hương Quảng Nam Đà Nẵng ...

3- Sau ngày 30-4-1975, theo đơn vị về đóng quân ở đây, người Thượng úy trẻ có cơ hội rong chơi thăm quan các hang động kỳ ảo, huyền bí mà tạo hóa đã riêng dành cho vùng đất Non Nước. Thời gian rảnh, anh chăm chỉ miệt mài học nghề tạc tượng với các nghệ nhân bản xứ hoặc khi trà dư tửu hậu, trải mối tâm tình của người thanh niên hiền hòa xa quê đã giúp ông san bằng những dị biệt, bất đồng, đố kỵ vốn sẵn có từ sau năm 75 của người dân hai miền Nam - Bắc. Ông đã tạo nên mối tình cảm thương mến đậm đà với dân làng địa phương. Người dân ở đây sẵn lòng

chia sẻ ngọt bùi cùng ông. Họ xem ông như là một con người của chính quê hương này. Và cũng tại nơi đây, cuộc đời ông đã đi vào một khúc quanh định mệnh.

Núi đồi, thôn dã và thảo nguyên là mảnh đất ươm hạt mầm tình yêu của ông với một cô giáo làng hiền hậu đoan trang, con của một viên chức chế độ VNCH. Tình yêu của họ đậm thắm ngọt ngào, lớn dần theo với ngày tháng. Gia đình và bà con làng xóm hoan hỷ. Rồi một ngày họ quyết định kết nghĩa vợ chồng. Nhưng chuyện oái oăm của tình yêu đã chực chờ họ sẵn ở một ngã rẽ bất ngờ nhất.

Thời gian vừa chiếm được miền Nam, bộ đội miền Bắc bị bắt buộc phải tuân theo những quy tắc, luật lệ nghiêm ngặt của đảng, của nhà nước. Họ không được phép kết hôn với bất cứ ai có họ hàng, thân tộc dính líu đến chế độ miền Nam. Trong trường hợp này người Thượng úy trẻ là Anh hùng Quân đội Nhân dân cũng không được hưởng phần ngoại lệ. Ông bất đồng với quan điểm hủ lậu, cực đoan ấy, quyết bảo vệ tình yêu đến cùng. Ông ra thẳng Hà Nội, đến Bộ Chính trị khiếu nại, lên tiếng đòi công lý... Trong trí nhớ ngu ngơ, mê muội của ông vẫn còn bồng bềnh thứ hào quang chống Mỹ cứu nước dưới bóng cờ quảng trường Ba Đình hay trong màn đêm tăm tối của hang Pắc Pó hoặc thăm thẳm hoang vu nơi rừng sâu Việt Bắc. Việc làm điên rồ của ông đã bị những kẻ cầm quyền từng một thời là đồng đội, là đồng chí thân thiết trong cuộc chiến, đánh giá như là sự bất tuân thượng lệnh hay nặng hơn, một sự phản bội. Ông bị tước

đảng tịch đui ra khỏi quân đội, không có một quy chế hưởng đãi, một mảnh giấy chứng minh và cả một đồng xu dính túi. Công trạng của ông một sớm một chiều đã bị người ta quay lưng, cố tình lãng quên. Ông đâm ra phẫn chí, mang chứng trầm uất, biếng ăn mất ngủ. Nhưng rồi một ngày ông đã hiểu rõ sau khi nhớ lại tất cả những gì ông đã biết trước đây. Thì ra là vậy, chính quyền Xã hội Chủ nghĩa được xây dựng trên nòng súng và bằng sự dối trá mồm loa mép giải. Ông quyết định tiến hành đám cưới, bất chấp mọi hậu quả. Khách mời tham dự là bà con dân làng chất phác hiền lành, những nghệ sĩ điêu khắc tài hoa. Tuy đơn sơ, đạm bạc nhưng nồng nàn nghĩa tình và họ vẫn cảm thấy hạnh phúc tràn đầy. Sau ngày cưới, ông cởi bỏ bộ quần áo bộ đội miền Bắc thay vào đó chiếc áo dân dã, khởi đầu một cuộc sống tự do, kiếm miếng ăn bằng chính sức lực, khối óc và con tim của một tài nhân điêu khắc. Ông ở lại sống trên quê hương người vợ yêu quý.

Những tưởng từ nay, tình yêu và quê hương này sẽ là bến bờ dừng chân cuối cùng để ông gửi thân suốt đời. Nhưng đảng như một tên phù thủy độc ác, sai phái lũ nô bộc tàn bạo say mùi máu tanh, dùng cường quyền bạo lực đeo bám trù dập vợ chồng ông, bắt trục xuất ra khỏi làng, đẩy đi vùng kinh tế mới. Ông nhặt nhanh vài kỷ vật, mang theo một ít đồ dùng cần thiết rồi dắt díu vợ ra đi, lòng thản nhiên như đã biết trước rồi sự việc sẽ đến hồi như vậy. Ông không phản ứng lại bởi ông còn tình yêu, còn tha thiết sống.

Ông không bao giờ muốn mình là thầy ma chết oan khuất trong bóng đêm âm nín hay trong ngục tù tăm tối. Vợ chồng ông bắt đầu một cuộc sống mới. Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, trong nương ngoài rẫy, mưa nắng hai mùa vất vả, họ chỉ cầu được yên thân. Thế nhưng họ vẫn tiếp tục bị trù ếm ở vùng đất khổ ho cò gáy này. Họ không được mua lương thực, phân bón, hạt giống theo giá phân phối, theo tiêu chuẩn ưu tiên dành cho di dân vùng khẩn hoang. Chưa hết. Mùa thu hoạch đầu tiên họ bị bắt phải đóng thuế không được chước miễn theo qui định cho những gia đình sống năm đầu trên đất mới. Ông thắc mắc hỏi, người ta bảo chỉ làm theo lệnh. Tóm lại, họ bị trù dập, trả thù hèn hạ bằng mọi cách bỉ ổi, trắng trợn nhất.

Đã có lúc ông nhớ về thưở rong ruổi ngang dọc trong vùng lửa đạn. Những năm tháng hao mòn cuộc đời trong trò chơi chiến tranh chết người nhưng ông vẫn thản nhiên thi hành nhiệm vụ, không may mắn bằng khuôn suy nghĩ đúng sai, phải trái. Ông cúi đầu tuân thủ mệnh lệnh, lao mình vào chiến trận như một loài thiêu thân không sợ lửa. Ông mù quáng tôn sùng lãnh đạo, lãnh tụ như một giáo đồ cuồng tín, sẵn sàng da ngựa bọc thây để được ban phát hai chữ anh hùng. Ông không chịu tìm hiểu, do vậy chẳng bao giờ ông hồ nghi gì về cái chủ nghĩa đều cang, mị dân kia. Ngược lại ông còn ra sức bảo vệ, biện bác cho cái chế độ bạo ngược, tham ô và bất công đó. Và than ôi ! đến bây giờ thì đau đớn thay, ông lại trở thành là nạn nhân của thứ hào quang giả tạo mà suốt

thời tuổi trẻ ông không màng đến an nguy bản thân, bán linh hồn để một lòng tận tụy, cúc cung bảo vệ vun bồi nó. Không trách gì lòng dân ta thán, oán căm. Mãi đến bây giờ ông mới chợt tỉnh và hiểu ra. Ông ước gì mình làm được, viết được như những người của đảng đứng lên chống đảng trị, đòi cải cách chế độ, canh tân đất nước. Đã có lúc phẫn uất điên cuồng, ông muốn liều mạng lao thân vào một cuộc đấu tranh để nói lên tiếng nói lương tâm, lẽ phải dẫu biết rằng cuộc đời này

không cân sức, dẫu biết rằng đằng sau cái chủ nghĩa mà cả đời ông tôn thờ chỉ là nòng súng, là nhà tù. Ông có thể rục xương trong ngục tử hình, không một manh chiếu, một hố nông để vùi

thây nhưng ít ra ông cũng có một lần gióng lên tiếng nói chính trực của nhân tâm, mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc, cũng như bản thân ông được một lần sống với chính mình. Thế nhưng, khi nhìn những giọt nước mắt vất dài của người đàn bà ông yêu thương đang thai nghén, ông lại thấy mềm lòng, phải bỏ cuộc. Cứ tự hỏi : rủi có mệnh hệ nào thì vợ con ông sẽ sống sao đây ? Cả đời, chưa hề biết mùi vị tình yêu là gì. Tám tuổi đã nhìn thấy chiến tranh ; Mười tuổi đã bị học đường và xã hội nhồi nhét, đầu độc những ý tưởng hận

thù ; Mười lăm tuổi đã bắt đầu tập làm quen với những thứ giết người ; Đến tuổi mười bảy, bị bắt thả vào chốn mịt mù lửa đạn hận thù đầy bất trắc, bệnh tật và chết chóc. Trong tình thế bức bách cùng quẫn, bản năng sinh tồn bộc phát. Sau cuộc chiến, ông may mắn còn sống sót và trở thành anh hùng để bây giờ chợt hụt hẫng khi biết công sức mình chỉ là đã tròng xe cát. Do vậy khi bắt gặp tình yêu ông như tìm được thứ của cải trân quý mà cả đời chưa hề có. Ông nâng niu yêu



thương, sợ phải nghĩ đến chia ly và tan vỡ. Nên chi chút can đảm còn rơi rớt sau cuộc chiến, ông đành cắn răng dành lại cho vợ con, cúi đầu nhắm mắt với lời an ủi : "nhẫn nhục để

được sống". Ông ngoan ngoãn chịu đựng, cam lòng khổ cực với bát cơm độn chan mắm cá đồng, lấm lũi vất kiệt sức mình trên nương ngoài rẫy, không giao tiếp với bất cứ một ai. Thời gian còn lại ông dành tất cả cho tình yêu, hủ hỉ bên người vợ hiền lành yếu đuối, sắp đến ngày khai hoa nở nhụy, luôn cần đến ông.

4- Một buổi chiều, trời đang nắng bỗng nổi cơn dông thành linh. Mây đen cuộn cuộn, sấm chớp liên hồi. Ông bỏ dở công việc, bưng bả về nhà. Xa xa nhìn

thấy vợ bụng mang dạ chửa, đang gò lưng khó nhọc kéo những tấm phen tre ngổ ngang trên sân, dùng để phơi khoai mì làm lương thực dự trữ. Gió nổi lớn, căn nhà cất thô sơ như lung lay xiêu vẹo. Ông vội vã rảo bước, vừa chạy vừa gọi lớn : "Anh về đây rồi. Để đây cho anh" Mưa bắt đầu rơi làm ướt tấm lưng trần đen đúa và những luống đất vừa mới cày vỡ. Ông không để ý gì đến trời và đất đang miên man giao hòa mưa gió mát mẻ. Vừa đến đầu ngõ chợt tai ông nghe một tiếng "bụp" chát chúa, khô khan và lạnh lẽo. Âm thanh nghe dường như quen thuộc lắm. Tiếp theo một tiếng thét lạnh lạnh xé lòng "anh ơi". Vợ ông lão đảo ngã quy. Ông chết điếng, phóng ào đến ôm vợ vào lòng. Mắt ông nhòa lệ pha lẫn mưa rơi. Một bàn chân đứt lìa, máu phun có vòi. Vợ ông là người trong vòng tay chồng. Ông cắn răng dẫn cơn đau lòng, xé vội mảnh áo buộc vòng garrot cấp cứu tạm thời. Lác đác quanh đó vài người hàng xóm tốt bụng, nghe tiếng nổ đội mưa chạy đến, đang chờ giúp đỡ. Vợ ông lập tức được bà con cáng ra trạm y tế xã. Ở đây thiếu phương tiện chữa trị cấp thời, họ chỉ chích một mũi thuốc khỏe và cầm máu, rồi viết giấy giới thiệu ra huyện. Y tế huyện cũng chẳng khá gì hơn, họ cấp xe chở đi bệnh viện tỉnh. Ba giờ sau, các bác sĩ phòng cấp cứu khi xem xét vết thương và chẩn đoán, họ báo cho ông biết rằng nạn nhân được mang đến bệnh viện quá trễ. Vì mất nhiều máu và vết thương bị nhiễm trùng nên không hy vọng sẽ cứu sống, ngoại trừ trường hợp mổ cấp cứu để mang đứa bé ra

ngoài trước thời hạn sinh nở rồi tiếp tục nuôi dưỡng bằng lồng kính nhân tạo. Cuối cùng họ khuyên ông nên quyết định gấp để kịp cứu đứa bé. Nghe bác sĩ nói, đầu óc ông lúng búng như bị ngàn vạn tấn bom nổ phủ ì ì lên cùng một lúc. Ông ôm vợ nấc to nghẹn ngào, hôn mê ngã quy xuống sàn bệnh viện. Và kể từ hôm đó, ông chẳng bao giờ có thể hồi sinh. Người đàn ông sống bồng bềnh trong mơ hồ hỗn độn của thời gian, của kiếp nhân sinh dẫu rằng đã có một thời ông đội trên đầu, gánh trên lưng biết bao tang thương đổ vỡ, lần bước từ thế giới hỗn mang của chiến tranh để hòa mình vào vũ trụ ảo diệu lẫn điên đảo của loài người. Ông đã đánh mất ký ức. Bom đạn hiểm nghèo ông vẫn còn có cơ hội đứng dậy, nhưng bị người cộng sản trù dập thì chẳng bao giờ ông có cơ may tồn tại trên đời.

Ngày ông trở lại nơi xảy ra thảm cảnh nhìn dấu nổ, kinh nghiệm chiến trường khiến ông nhận ra ngay không phải do lựu đạn mà do một thứ mìn muối chống cá nhân, chẳng biết ai đã âm mưu ném lẫn lộn trong đồng khoai mì đang phơi dở dang. Chấm dứt chiến tranh lâu rồi mà máu vẫn tiếp tục chảy, thân người vẫn nát tan và hận thù thì vẫn dai dẳng triền miên. Ông điên tiết nổi lửa đốt nhà, đốt tất cả những di vật của tình yêu còn sót lại, cả ảo và mộng, cả quá khứ đau thương lẫn tương lai mờ mịt rồi lầm lũi bồng đứa con gái bất hạnh chưa ra đời đã mất mẹ, hình ảnh duy nhất còn sót lại của vợ, về sống nơi quê ngoại.

5- Kể từ đó, dưới chân ngọn núi hùng vĩ nhất của cụm Ngũ Hành Sơn, bỗng mọc lên một túp lều đơn độc bên cạnh một ngôi mộ mới. Ngôi mộ nằm gối đầu lên núi, mặt hướng về biển cả mênh mông, ngày đêm nghe tiếng sóng thì thầm vỗ về, nghe tiếng rì rào của gió quê tình tự. Người Thượng úy trẻ tuổi ngày xưa ôm trong lòng nỗi chán chường, thất vọng và hận thù chế độ, bây giờ đã biến thành một ông lão già nua trước tuổi. Sau cái tang của vợ, ông bỗng trở thành người câm điếc. Ông ở vậy âm thầm nuôi con bằng nghề điêu khắc cha truyền con nối của quê vợ. Và cũng từ đó, quê hương "hang động thần tiên" bỗng vang lừng danh tiếng khắp nước tên tuổi một nghệ nhân tài hoa lỗi lạc, tương truyền rằng tay nghề đã đến mức "xuất thần nhập hóa", đặc biệt là trong lĩnh vực tạc bia mộ cho người chết. Thiên hạ đồn rằng ông có linh mẫn siêu phàm tuyệt thế, quán triệt được vũ trụ càn khôn, thông suốt được lý lẽ âm dương tử sinh của người đời, nên sớm biết trước điều sắp xảy ra khi khắc tên kẻ còn sống trên bia đá. Đó chính là dấu hiệu báo động một sự tử vong. Bia mộ do chính tay tài nhân ấy chạm khắc bao giờ cũng phủ đầy âm khí, vương vấn ăm ắp linh hồn người chết chẳng khác chi lúc còn tại thế, nhất là trong những đêm trăng lặn sao mờ, người thân nhìn vào bia mộ như thấy phảng phất quanh đây nhân dáng người chết hiện về, nhõn nhõn cười cợt như thưở sinh tiền. Người dân quanh vùng cho đó là điềm kỳ lạ. Nhiều người biết rõ câu

chuyện tình thương tâm bi hận của ông, họ rĩ tai truyền miệng bảo đó là do linh hồn tội lỗi không siêu thoát được của Lênin, Các-Mác, Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh ... những tên cộng sản đầu sỏ trên thế giới đã nhập vào cho người Thượng úy cái ân huệ được quyền ban phát "*sinh tử phù*" đến bất cứ một đồng chí, đảng viên nào gian ác tham tàn. Đó như là cách duy nhất để chuộc lại lỗi lầm to lớn của bấy tôi tớ đã đối xử tàn tệ, dã man với ông. Tên tuổi ông phút chốc bỗng nổi dậy như cồn và được người đời phong tặng danh hiệu nghệ nhân tài hoa bí ẩn với cái tên rừng rợn : "*Người khắc tên bia mộ*".

Cũng từ đó những tên lãnh đạo đảng, thủ trưởng công an, thuế vụ... đã từng khùng bố dân lành, trước đây cũng như bây giờ ; Những tay đảng viên, cán bộ thường kiếm cỡ những nhiều, bóc lột nhân dân bỗng nhiên trở thành những con cừu non ngoan ngoãn đối với ông. Chúng vờ vịt hiền lành và luôn luôn sợ sệt, quỳ lụy trước mặt cha con ông, không dám làm sai phạm một điều gì. Dân lành cũng nhờ vậy mà bớt đi đôi phần khổ đau, oan trái của kiếp người sống trong chế độ Cộng sản hà khắc. Những tay đao thủ khét tiếng của chủ nghĩa vô sản khi nào cũng nơm nớp lo âu, chẳng biết bao giờ thì ông nổi hứng ban cho một "*tám bia tử vong*".

(Trích tuyển tập "Người khắc tên bia mộ")

Tiên Sha Lê Luyện

(Virginia)

SÁCH MỚI:

GIỚI-THIỆU “PHÙ-THUẬT” CỦA B.S. LÊ VĂN LÂN

Nguyễn Ngọc Bích

Duyên của tôi với Bác-sĩ Lê Văn Lân chủ-yếu là một cái duyên văn nghệ. Tôi được làm quen với ông lúc đầu là qua những tác-phẩm của ông như *Bút-khảo về Ấn* mà tôi được đọc khi tôi còn cố gắng làm những tổng-kết văn-học hải-ngoại hàng năm cho các báo. Rồi sau khi được làm quen với ông trong mấy sinh-hoạt của nhóm Duyên Văn mà ông là một trong những thành-viên sáng-lập ở Phila, tôi lại còn được vinh-dự giới-thiệu tập chuyên-đề rất giá trị của ông về *Chiếc Bảo-án cuối cùng* (của Vua Bảo Đại, nhà vua cuối cùng của Triều Nguyễn) khi ông về ra mắt ở Thủ-đô. Sau này, khi ông đã về hưu ở Austin, Texas, thì tôi lại vẫn được ông tặng cho những tác-phẩm giá trị như hai tập *Bút khảo về Xuân*.

Nếu tôi đã có dịp tiếp tay ông khi ông cần ra mắt sách ở vùng Thủ-đô thì ngược lại, lần tôi đi Austin, Texas, vào tháng 9 năm 2000 để dự Đại-hội lần thứ 15 của Nghị-hội Toàn-quốc Người Việt tại Hoa-kỳ, tôi lại được hân-hạnh ông nói chuyện về cuốn *Hồ Xuân Hương: Tác-phẩm* của tôi vừa ra năm đó tại Hội Cao-niên Austin.

Thành thử như người ta nói, “đồng-thanh” dễ “tương-ứng” cũng như “đồng-khí” dễ “tương-câu.” Hai người miệt mài nghiên cứu về Việt-nam thì cũng dễ đến với nhau, tìm đến nhau để học hỏi của nhau—mà tôi chủ-yếu học từ ông, từ cái

kho lắm khá mênh mông mà không biết ông tích-luỹ từ bao giờ.

Chủ-nhật này, ông ra mắt cuốn sách mới nhất của ông viết về *Phù-thuật Việt-nam*, một lãnh-vực đầy bí ẩn mà người ít tò mò nhất chắc cũng không khỏi phân vân muốn biết nó là cái gì. Nghe chữ “phù-thuật” có thể có người sẽ cho là cái gì xa xôi lắm, huyền-bí lắm, ngoài kinh-nghiệm sống của ta, vì thế có lẽ ta nên “diễn Nôm” ngay: “phù-thuật” là tiếng Hán-Việt cho một hiện-tượng mà hầu hết chúng ta đều đã từng trải, từng kinh-nghiệm, đó là chuyện “bùa chú,” chuyện “ma xó” của người Mường, chuyện “bùa ngải” của người Miên Nam-bộ (Khmer Krom), chuyện “shaman” của người Trung-Á (Mông-cổ, Uy-gua Hồi-hộ, v.v.).

Kinh-nghiệm bản-thân

Diễn Nôm như thế thì chắc ta không còn thấy xa lạ nữa. Riêng cá-nhân tôi, chẳng hạn, từ nhỏ tôi đã có không ít kinh-nghiệm về bùa chú như sau.

Khi còn nhỏ, tôi dễ bị đau ốm. Xem tử-vi, người ta cũng bảo mẹ tôi cần phải đi cúng kiếng cho tôi vì ngày xưa, trong một kiếp trước nào đó, tôi đã có tội đánh rơi đánh rớt cái bình hoa gì đó ở trên Thiên-đình nên bị Thiên-hoàng phạt. Thế là mẹ tôi đi sắm lễ, mỗi mùng một ngày rằm (ít nhất cũng đến khoảng tuổi lên 10) đều cúng kiếng cho tôi rất cẩn thận, còn bắt tôi

thuộc lòng câu khấn “rất linh thiêng” để trừ tà. Không rõ chuyện đó có hiệu-nghiệm thật hay không nhưng có điều chắc là tôi rất thích và do đó rất tin tưởng, ít nhất một tháng hai lần cũng được ăn chuối, ăn oản rất khoái. Và có lẽ cũng vì tin tưởng phần nào nên bệnh tật của tôi cũng thuyên giảm—hay tôi khoái quá mà quên đi lúc nào không hay.

Chính mẹ tôi cũng được chữa mẹo kiểu đó. Cụ hồi đó còn khá trẻ và đẹp nhưng cứ ít bữa lại bị thiên-đầu-thống (một loại đau đầu, nhức đầu kinh niên). Đi hỏi thầy lang hay thầy bùa (tôi cũng không rõ nữa), mẹ tôi được chỉ là do có nhiều tóc quá ở trên đầu, nếu cắt bớt hay cạo hẳn bớt đi thì sẽ hết. Quả như rằng, tóc mẹ tôi hồi còn trẻ rất đẹp và dài đến quá chân. Nhưng để chữa thiên-đầu-thống, cái mẹo của mẹ tôi là cho người cạo trọc chỏm đầu xong quấn khăn (nhưng) lên để che chỗ bị cạo, và hình như cũng qua sự tin tưởng mãnh-liệt (một loại tự-kỷ ám-thị) nên hết luôn thiên-đầu-thống. Chuyện cắt tóc ở chỏm đầu này, mẹ tôi gán như giữ đến cuối đời--một bí mật mà rất ít ai biết, có lẽ chỉ trừ một vài người con tò mò như tôi mà thôi.

Lớn lên, tôi tự cho mình là con người mới, không còn tin ở những điều “nhảm nhí” như bùa chú v.v. Nhưng đến khi tôi, đang ở tuổi “teenager,” sửa soạn đi du học Mỹ, mẹ tôi lại thuyết phục tôi--hoặc là thế, hoặc là tôi muốn chiều mẹ--để cho cụ kiếm cái bùa đeo vào cổ trước khi lên đường sang Mỹ. Cái bùa này, tôi đeo một thời-gian khá lâu, có lẽ cũng phải vài năm, cho đến một hôm tự-nhiên nó rụng đi đâu mất và tôi cũng không thấy cần mất công đi tìm nó nữa.

Tưởng thế là hết với chuyện bùa ngải. Nhưng không! Vài tháng trước khi mất miền Nam, nhà tôi, nhân có dịp đi thăm

một “cậu” ở Thủ-đức với mấy người bạn và bà chị, lại hỏi về chuyện của tôi. “Cậu,” qua một người phụ nữ mà “Cậu” nhập vào, phán một câu thật lạ lùng. “Người nam này,” Cậu nói, “thông minh, giỏi giang lắm nhưng Triều-đình lộn xộn nên con đường trước mặt không bằng phẳng lắm.” Vì vậy nên để giữ mình, giữ thân, “Cậu” lại cho tôi một lá bùa để đeo cổ. Về nhà, nhà tôi mất công không ít thuyết phục tôi đeo vào, cho rằng phòng dữ vẫn hơn. Trước chiều mẹ, giờ chiều vợ, tôi đành đeo vào song cũng không mấy tin tưởng. Chả bao lâu, nước mất nhà tan, người không muốn tin cũng phải thành tin. Và đúng ngày 30/4 năm 75, vợ chồng tôi thành lang thang trên mặt biển—có lẽ cũng nằm trong số những “thuyền-nhân” đầu tiên rời khỏi VN sau khi Cộng-sản vào thành.

Và cũng như cái bùa kia, tôi đeo cái bùa chú của “Cậu” cho trong nhiều năm như một thói quen, đi tắm đi bơi cũng đeo như một thứ “bửu-bối.” Cho đến một ngày nọ, nó cũng theo chân cái bùa trước, rớt rụng đi lúc nào không hay.

Người ta có thể cho tôi là như vậy không còn “mê-tín dị-đoan” nữa. Nhưng có thật không? Biết bao người trong chúng ta giờ đây, tuy không đeo bùa chú nữa nhưng vẫn đeo tượng Phật, tượng A-di-đà, tượng Chúa (trên thập-giá), tượng Phật-bà Quan-âm hay tượng Đức Mẹ Vô nhiễm, và tin rằng đeo như thế ta có được sự chở che! Về tín ngưỡng thì có thể khác nhau nhưng về lòng tin vào một đấng thiêng liêng, vào một sức mạnh tâm-linh nào đó có thể che chở, bảo bọc cho ta thì những sự đeo đó có khác gì nhau? Có khác chẳng có lẽ chỉ là một đấng là ta thờ Chúa, thờ Phật, và một đấng là ta theo Đạo-giáo mà tin tưởng ở những đấng

thần-linh khác, cũng có thể qua bùa chú, phù-thuật mà quan phòng, che chở cho ta.

Cuốn sách về “Phù-thuật” của B.S. Lê Văn Lân

Cuốn sách về phù-thuật của B.S. Lê Văn Lân ra mắt Chủ-nhật này dẫn ra vào thế-giới “bùa, một khu rừng rậm u linh” (trang 17) để từ đó đưa ta vào một “vấn đề của mọi nơi và mọi thời đại” (trang 20), dù là Đông hay Tây, dù là Thiên-chúa-giáo, Phật-giáo hay cả (nhất là) Hồi-giáo (“Sésame! Sésame! Ouvre-toi!” “Hột mè! Hột mè! Hãy mở ra!”), rồi đi vào những lãnh-vực như phân-tâm-học, tiềm-thức (cá-nhân hay tập-thể), tâm-lý-học phân-tích v.v.

Nhưng bao trùm hơn cả là ảnh-hưởng của vu-học (shamanistic studies) Trung-hoa mà đúng hơn có lẽ phải nói là của vu-học Trung-Á, vì Lão-tử, tác-giả cuốn *Đạo-đức-kinh* (mà có thể tên gốc là *Đức-đạo-kinh*), đã để lại cuốn sách trước khi ông rời khỏi Trung-hoa đi về phía Tây, tức là vào vùng Tân-cương bây giờ. Đây là nội-dung của Phần II trong cuốn sách: “Nguồn gốc quan-niệm từ Trung-hoa”). Phần III đi vào “Sự du nhập và truyền-bá Đạo-giáo trong bối-cảnh Việt-nam qua lịch-sử và văn-hoá” trong đó ta có những định-nghĩa về “bùa” (trang 65) và “chú” (trang 66) rồi “Quan-niệm về linh-hồn và ma quỷ trong... lễ nghi tam giáo VN” (Chương II của Phần III) để kết với “Đạo-giáo [và] “Phù-thuật” ở VN (Chương III) với những hình-thức lên đồng, hầu bóng và cung văn đàn hát nhộn nhịp không thua gì Rock của Mỹ sau này.

Mấy phần trên đây là những phần hấp dẫn hơn cả vì nó đi vào lịch-sử phù-thuật VN, được so sánh với các truyền-thống khác trên thế-giới. Đi vào chuyên-môn hơn là những chương trong Phần IV, trong

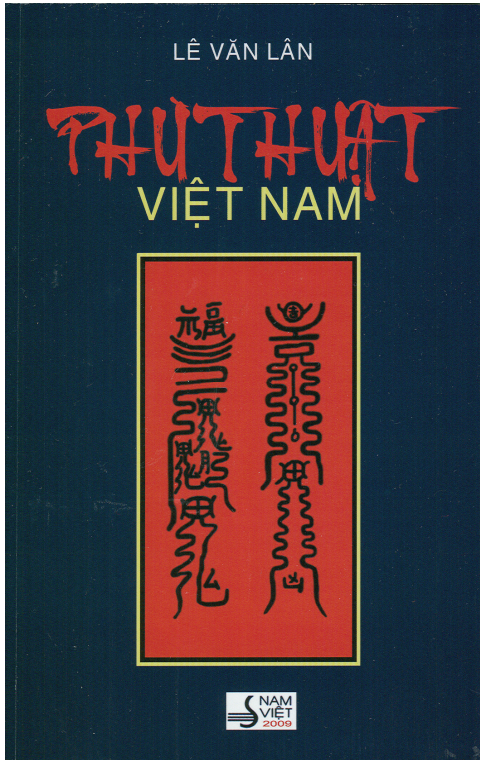
đó tác-giả giải thích các hình-thức “bùa phổ-thông theo nguyện-chức của cuộc sống” (Chương I), “bùa ngoại-thương, cấp-cứu” (một loại bùa chữa trị như cầm máu, chữa rắn cắn) (Chương II), rồi “bùa ngải đặc-biệt của Phật-giáo, Mật-tông, Châm, Miên” (Chương III), và một số “bùa thông-dụng khác” (dùng cho nhà cửa, cất nóc v.v.) (Chương IV).

Phần V đi vào chuyên-môn hơn nữa với “Kỹ-thuật thực-hiện một lá bùa và một lễ-đàn,” kể cả “Thư-phù” (Chương II của phần này). Phần VI đi vào những đề-tài như “Ăn-quyết,” “Bộ Cương Đạp Đầu Pháp” (cách đi uốn éo theo một vũ-điệu huyền-bí) và Phần VII là “Tổng-luận.”

Phần VIII gồm 6 phụ-lục, I về Lễ Ban, II về “Những lá bùa cầm kỳ,” III về “Bí-thuật chế bùa cầm kỳ,” IV về “Tiền bùa và tiền chúc nguyện,” V về “Linh-ảnh” và VI về “Quyền-lực của cây thánh-giá và nghi-thức trừ quỷ trong đạo Công-giáo,” VII về “Hối quý và Trục quỷ” và VIII về một số “bùa thông-dụng.”

Có thể nói với cuốn sách mới nhất này của ông, B.S. Lê Văn Lân đã hoàn-thành một cuốn sách đầy đủ nhất về đề-tài này trong tiếng Việt. Riêng cá-nhân tôi đã được đón B.S. Lê Văn Lân đến nhà cách đây cũng đến hơn 20 năm nói chuyện về đề-tài này khi ông mới bắt đầu đi vào lãnh-vực này. Lần đó, chắc một số bạn cũng hãy còn nhớ ông say sưa đến như thế nào khi đi vào đề-tài. Ông đã giữ được sự hăng say đó và đây là kết-quả bao nhiêu năm nghiên ngẫm của ông. Ai thích thú về đề-tài này không thể tìm đâu ra được một cuốn dẫn nhập đầy đủ hơn được cuốn này.

NGUYỄN NGỌC BÍCH
(Virginia)



Biên khảo
**PHỤ THUẬT
VIỆT NAM**

Ấn phí: US\$25.00
Liên lạc tác giả:

Dr. Lê Văn Lân
13916 Greinert Drive
Pflugerville, TX 78660
USA
Tel. (512) 252-9827

CỨ ĐẤM TA ĐI

Cứ đấm ta đi,
Cứ đâm
Cứ đấm
Ta sẽ không đấm lại người đâu.

Cứ chửi ta đi,
Cứ chửi,
Cứ chửi
Cho hả hê người.
Ta sẽ không chửi lại người đâu.

Người với ta nào ai xa lạ,
Ta với người cùng một chỗ:
Anh / em.

Chửi lại người
Làm sao ta chửi được!
Đấm lại người
Là đấm lại chính ta?!

YÊN VI
(Minnesota)

CẦN THIẾT

thơ
Nguyễn Sa

Không có anh lấy ai đưa em đi học về
Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học
Ai lau mắt cho em ngồi khóc
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa
Những lúc em cười trong đêm khuya
Lấy ai nhìn những đường răng em trắng
Đôi mắt sáng là hành tinh lóng lánh
Lúc sương mù ai thổi để sương tan
Ai cầm tay cho đỡ má hồng em
Ai thổi nhẹ cho mây vào trong tóc...
Không có anh nhớ một mai em khóc
Ánh thu buồn trong mắt sẽ hao đi
Tóc sẽ dài thêm mớ tóc buồn thơ
Không có anh thì ai ve vuốt.

Không có anh lấy ai cười trong mắt
Ai ngồi nghe em nói chuyện thu phong
Ai cầm tay mà dắt mùa xuân
Nghe đường máu rung từng cành lộc biếc.

Không có anh lỡ ngày mai em chết
Thượng Đế hỏi anh sao tóc em buồn
Sao tay gầy, sao đôi mắt héo hon
Anh sẽ phải cúi đầu đi về địa ngục...



INDISPENSABLE

English Translation by
Kim-Vũ

Without me, who'll take you home from school
And write love letters for you to bring to class
Who'll wipe your tears when you break down
and sob
And take you out to enjoy the afternoon rain?
When you smile in the still of the night
Who'll look at the gleam of your clean white teeth
Your bright eyes are twinkling stars
Who'll exhale to clear away the fog
Who'll hold your hand to bring on the blush
And gently blow clouds into your hair...
Without me, if perchance your eyes are filled
with tears
Their autumnal tint might glimmer and fade
Your hair will grow longer with poetic sadness
Who'll lovingly caress it with his fingers.

Without me, who'll smile to behold the reflection
in your eyes
And bend his ear to your chatter about the
autumn atmosphere
Who'll take your hand to bring in the spring
season
And sense his blood vessels pulsate with every
branch of emerald buds.

Without me, if one day you depart from this earth
The Lord will question why your hair seems so
melancholy
Why your arms are so lean, and your eyes so wan
Then I'd have to go to Hell bowed...

CUỘC ĐỜI VÀ TÁC PHẨM CỦA THI SĨ NGA ALEXANDER PUSHKIN

Nguyễn Kinh Bắc
(Tổng hợp)

Da số các sách giáo khoa của Nga ghi nhận rằng mọi dòng văn học ở thế kỷ 18 đều quy về Pushkin, và mọi dòng văn học đều bắt nguồn từ ông. Điều đó cho thấy ảnh hưởng to lớn của ông đối với nền văn học Nga như thế nào. Ông đã khởi xướng và cổ võ những thể loại văn học với một tầm mức rộng rãi nhất. Ông là tác giả những bài thơ, những chuyện kể lịch sử, những tiểu luận phê bình và truyện ngắn, những tác phẩm nghiên cứu và truyện thần tiên, những bài hoạt kê chính trị và những bản tình ca.

Trong những bài thơ trường thiên, những kịch bản, những tác phẩm văn xuôi, ông vạch ra những chủ đề của văn học Nga, và thể hiện bởi nhiều tác giả sau này

Sự quan trọng của công cuộc cải cách của đại đế Peter, số phận của đế chế St. Peterburg, vai trò của quyền lực và cuộc nổi dậy trong lịch sử Nga, sự rạn nứt của

xã hội Âu hóa và đám đông quần chúng gắn bó với truyền thống dân tộc, sự xung đột giữa những khát vọng của con người nhỏ bé và những vấn nạn của nước Đại Nga, sự phức tạp của xã hội loài người, hành động phá hoại và sự đam mê thảm mỹ - tất cả những vấn đề này được thể hiện rõ nét trong các sáng tác phẩm của

Pushkin. Độc giả Tây Phương khó mà hiểu nổi sự say mê ngưỡng mộ của dân chúng Nga đối với ông. Không có một diễn dịch nào có thể trả lại sự nhất quán về âm thanh, nhịp điệu, hình ảnh, ý nghĩa - chính là điều bí ẩn của thơ Pushkin. Phần lớn chữ nghĩa ông sử dụng là những chữ nghĩa trong đời sống thường nhật, và

người ta lấy làm lạ, bằng cách nào một năm sỏi lại có sự lấp lánh lộng lẫy của những viên ngọc quý. Chỉ có một thi sĩ vĩ đại tương đắc mới có thể chuyển hóa thơ ông sang một ngôn ngữ khác.

Alexander Pushkin sinh tại Moscow năm 1799 trong một gia đình quý tộc. Bên



nội ông thuộc dòng dõi quý phái, nổi bật trong lịch sử Nga từ thế kỷ 12. Người mẹ xinh đẹp của ông là cháu nội của Hanibal, tiểu vương xứ Abyss, một thời đã là niềm say mê của đại đế Peter. Giống như hầu hết các gia đình quý tộc thời ấy, ông được dạy dỗ bởi các gia sư phần lớn là người Pháp, do đó ông nói và đọc tiếng Pháp trước cả tiếng Nga. Bài thơ đầu tay của ông được viết bằng tiếng Pháp, nhưng hiển nhiên, bên cạnh ảnh hưởng của Tây Phương, ông cũng được học những bài dân ca và những truyện dân gian từ bà vú người Nga, người đã dạy ông tiếng mẹ đẻ với tất cả sự tinh túy của nó. Sau này, ông đã làm cho bà trở thành bất tử trong những bài thơ, như là biểu tượng của quê hương và dân tộc mình.

Năm 12 tuổi, ông đã cùng 30 đứa trẻ thuộc những gia đình giàu có, theo học tại học viện Tzarskoye Syelo, được đại đế thành lập để đào tạo những nhà quý tộc trẻ tuổi giữ những chức vụ cao cấp về hành chính trong tương lai. Pushkin đã học nhiều về văn học, lịch sử, ngôn ngữ cổ và hiện đại, triết học... tại đây. Các thầy giáo nhận thấy nơi ông sự thông minh, lòng nhân hậu nhưng đầy ắp đam mê.

Sau khi tốt nghiệp năm 1817, Pushkin được bổ nhiệm làm việc tại Phòng Đối Ngoại, nhưng ông đến đó chỉ để lãnh lương. Ông dành hết thì giờ cho những cuộc đấu kiếm, những canh bạc đỏ đen,

những buổi hội hè đình đám. Nhưng thuở hưởng thụ không bao giờ làm ông sao nhãng sự cống hiến cho văn học. Ông sáng tác rất nhiều thơ, nhạc, thơ trào phúng và trở nên nổi tiếng trong giới văn nghệ quý tộc. Ông tham gia trào lưu lãng mạn, chống lại những người bảo thủ và chia sẻ tư tưởng tự do với trào lưu tiến bộ. Ông sáng tác thơ châm biếm, ca ngợi tự do, tấn công chế độ nông nô, chế giễu chế độ độc tài. Đây chính là nguyên nhân đã làm cho ông bị khốn đốn. Do lệnh của nhà cầm quyền, ông bị đày xuống miền Nam nước Nga. Trong chuyến đi xuyên Caucasus và Crimea, ông được phân công với tư cách một công chức làm việc tại Bessarabia và sau đó tại Odessa. Trong 4 năm lưu đày, ông vẫn tiếp tục châm biếm, nhưng ông đã tìm cơ hội để viết những tác phẩm đứng đắn. Ông say mê đọc và viết truyện bằng thơ như *The Caucasian Captive*, *The Fountain of Bakhchisarai*, *The Gypsies*, và chương đầu tiên của tác phẩm *Eugene Onegin*. Ông cũng soạn hòa âm cho những nhạc phẩm trữ tình, và nghệ thuật của ông đã đạt tới độ sung mãn. Cuối cùng, nhà cầm quyền cho phép ông trở lại *Mikhaylovskoye*, nơi cư trú của gia đình ông, ở phía bắc tỉnh Pslov, một hình thức quản thúc tại gia. Ông bị buộc phải sống biệt lập ở đó, chỉ được tiếp xúc với bà vú trung thành cùng vài người láng giềng. Trong hai năm, ông cho ra đời tác phẩm *Boris Godunov*, những chương mới của cuốn *Eugene Onegin*, một loạt

truyện bằng thơ và những tác phẩm trữ tình nhất của ông.

Cuộc nổi dậy ngày 14 tháng 12 năm 1825 đã cứu ông khỏi cảnh tù tội. Lẽ ra, ông có thể tham gia vào tổ chức “The Decembrists” (1) nếu như ông có mặt tại St. Peterburg trong thời gian đó. Ông đã nói thẳng điều này cho Sa Hoàng Nicolas Đệ Nhất biết, trước một cử tọa gồm những bạn bè có thể lực đã thành công trong việc giải thoát ông. Sa Hoàng thấy ông tỏ ra thành thực, nên đã cho phép ông đến cư trú tại Moscow và St. Peterburg.

Năm 1826, sau 6 năm lưu đày, Pushkin đã khôi phục địa vị trong xã hội. Điều này có nghĩa ông tham gia trực tiếp vào sinh hoạt văn học và quan hệ với các nhà văn của thời ấy. Mặc dù trong tình trạng kiểm duyệt và sự giám sát nghiêm ngặt, chẳng bao lâu Pushkin trở nên nổi tiếng trong văn giới lúc bấy giờ. Năm 1830, ngoài việc là tác giả một số thi phẩm, Pushkin còn là chủ bút của nhiều tạp chí định kỳ. Cũng trong năm này, ông lập gia đình với Nathalie Goncharova, một phụ nữ trẻ đẹp, sang trọng. Trong những năm đầu tiên của cuộc sống lứa đôi, sức sáng tác của ông tăng lên. Những truyện bằng văn xuôi gồm có *The Captain’s Daughter*, *History of Pugachev’s Rebellion*, *Bronze Horseman*, và một sưu tập thơ cùng các tác phẩm khác đã nhấn mạnh sự đóng góp của ông cho nền văn học Nga hơn bao giờ hết. Nhưng sự lo lắng về tài chánh, sự thù địch

và đố kỵ của các quan lại trong triều, và mối quan hệ mơ hồ của ông với Sa Hoàng (là người đã để ý đến Nathalie nhan sắc lộng lẫy), đã đẩy Pushkin rơi vào những mưu đồ, những chuyện tầm phào và sự vu cáo. Địa vị thấp kém của ông ở triều đình đã làm ông thất thế. Ông đã xem thường sự thận trọng. Khi những kẻ thù có địa vị cao (trong đó có sứ thần Hà Lan tại triều đình Nga) trưng ra những bức thư nặc danh, theo đó Pushkin bị chế giễu là nạn nhân của những vụ cấm sừng, Pushkin đã thách đấu với một trong những kẻ theo đuổi vợ mình là Nam Tước d’Anthes. Hai ngày sau, ông qua đời vì vết thương trầm trọng. Khi đó ông mới 37 tuổi.

Một số nhà phê bình văn học cho rằng Pushkin đã đạt đến đỉnh cao chói lọi qua những bài thơ trữ tình của ông, trong đó những suy nghiệm sâu xa về thiên nhiên, sự chết, sự thú nhận về tình yêu và nuối tiếc quá khứ là những chủ đề trong thơ ông. Được diễn đạt hầu hết bằng âm luật, hoàn toàn cân đối giữa vần điệu và hình ảnh, thơ ông mãnh liệt nhưng giản dị, nồng nàn và sinh động, trong sáng và súc tích. Pushkin thường mô tả những nghịch cảnh trong cuộc sống. Ông không ảo tưởng về thân phận con người Hạnh phúc, theo ông, là khó đạt được, sự an bình và tự do là những gì tốt đẹp nhất có thể hy vọng đạt được. Tuy nhiên, dù có những dấu hiệu buồn bã, nhưng không có sự tuyệt vọng trong thơ ông. Pushkin không bặm

ảnh bởi cái chết : ước vọng của ông là sống để tư duy, đau khổ và yêu thương, ném trái mọi sự ở đời. Tư tưởng ấy của Pushkin đã tạo cho ông trở nên gần gũi với nền văn hóa cổ Hy Lạp. Pushkin luôn luôn ca ngợi tư tưởng nhân loại, đã khẳng định : “Mặt trời chân lý sẽ đẩy lùi bóng đêm”. Là một thi sĩ, một nhà văn, ông hướng về truyền thống Hy Lạp, Thời Kỳ Phục Hưng (2) và Thời Kỳ Ánh Sáng (3).

Pushkin là một con người hoàn toàn thế tục, và thơ ông không chứa đựng yếu tố tôn giáo bao giờ. Ông là một kẻ ngoại giáo hơn là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Tác phẩm của ông rõ ràng ở ngoài tôn giáo và truyền thống tôn giáo của văn học Nga. Về triết học, ông là một nhà thực chứng và một người theo chủ nghĩa khoái lạc. Trong văn học cũng như trong đời sống, ông là kẻ thù thường trực của sự đạo mạo, dối trá và đạo đức giả. Bài thơ trường thiên đầu tiên của ông, *Ruslan and Liudmila* (1820) là một thiên hùng ca mang tính chất trào phúng, và những người bảo thủ đã khiếp sợ sự “láo xược” của nhà thơ trẻ tuổi chế giễu những mô thức cổ điển được thánh hóa. *Ruslan and Liudmila đã đánh dấu một chuyển biến thực sự* hình thái văn học Nga.

Tác phẩm *The Fountain of Bakhchisarai* của Pushkin xuất hiện với lời tựa của ông hoàng Viazemski, một trong những người bảo vệ hàng đầu chủ nghĩa lãng mạn, gây một tiếng vang như

một bản tuyên ngôn. Sự kiện này đã tạo cho Pushkin trở nên một người lãnh đạo trào lưu văn học mới Những tác phẩm báng bố và phóng túng khác của ông đã chống lại đạo được truyền thống, với mục đích đưa thơ vào đời sống, mở rộng phạm vi bằng cách loại bỏ mọi luật lệ làm cản trở sự tự do sáng tác. Có thể điều này đã là lý do cho sự ra đời của Eugene Oneghin, mà việc hoàn thành tác phẩm này phải mất 8 năm (1823-1831).

Nhân vật chính của tập truyện thơ, Eugene Oneghin, một người trẻ tuổi lịch lãm, được giáo dục theo phương pháp Châu Âu, và không biết làm gì, vì thế để thoát cảnh buồn chán, chàng đóng vai một công tử bột và sống một cuộc sống phong lưu tại St. Peterburg. Tuy nhiên, không gì có thể xóa được cảm giác buồn chán vô nghĩa ấy Tại một miền quê hẻo lánh, chàng gặp gỡ một thiếu nữ xinh đẹp, Tatiana, đã thất tình một gã nổi tiếng hào hoa phong nhã. Tuy xinh đẹp, nhưng nàng không đủ sức hấp dẫn đối với Oneghin, và chàng đã khước từ tình yêu của nàng. Chàng ve vãn em gái nàng, người đã đính hôn với bạn chàng, nhà thơ Lensky, và khi Lensky mất bình tĩnh lúc cơn ghen nổi lên, chàng đã giết anh ta trong một cuộc đấu kiếm. Chán nản hơn bao giờ hết, chàng du lịch khắp nơi mà không bao giờ tìm được hạnh phúc. Vài năm sau đó, chàng gặp lại Tatiana, bấy giờ đã trở thành phu nhân của một tướng lãnh. Thế rồi, chàng yêu nàng, và oái oăm thay, bấy giờ đến lượt

chàng bị từ chối. Những người đồng thời với Pushkin đôi khi không nhận thấy ý nghĩa sâu xa của tập thơ, nhưng họ đã thưởng thức cái đẹp, sự dịu dàng và mới lạ của nó. Đó là một tác phẩm phong phú. Bằng sự nhạy cảm không mệt mỏi, Pushkin thảo luận về những chủ đề khác nhau, từ vũ ballet đến triết học, từ tình yêu đến văn học...

Giữa những năm 1820 -1823, Pushkin bị ảnh hưởng bởi Byron và đã học Anh Ngữ để có thể đọc những tác phẩm của các thi sĩ mà ông yêu thích từ nguyên bản. Nhưng sự đam mê này không kéo dài, và sau khi viết *The Caucasian Captive* (hiển nhiên cảm hứng bởi phong cách Byron), ông đã tìm đường hướng của riêng mình.

Pushkin gia nhập trào lưu lãng mạn và đã hoạt động hăng say trong hàng ngũ của trào lưu này, cũng như Stendhal, với khẩu hiệu “Văn học mới chống lại văn học cổ. Ông thường diễn tả niềm say mê, sự xúc động, đặc biệt trong những truyện ngắn, theo đó, ông nói về những con bạc tham lam và dị đoan (*Queen of Spades*), những kẻ phiêu lưu vỡ mộng (*The Shots*), những kẻ cướp hào hiệp (*Dubrovsky*) . Nhưng trong một số truyện ngắn khác, ông trình bày những sự kiện phi thường, và những xúc cảm theo văn phong cổ điển nhất. Khi ảnh hưởng của Byron được thay thế bởi Shakespeare, ông viết *Boris Godunov*, một chuỗi sự kiện từ những thời kỳ rối rắm ở thế kỷ 17, giai đoạn bức xúc và phức tạp nhất của lịch sử nước Nga, và

trong ngôn ngữ của mình, ông hướng về “chân lý” của tác phẩm, và lấy số phận của một người và vận mệnh của một dân tộc. làm nền tảng cho cuộc xung đột bi đát.

Pushkin hấp thụ nền văn hóa Châu Âu cũng giống như những người Nga cùng thời với ông. Ông học hỏi nơi những tác giả cổ điển, có một kiến thức rộng rãi về các nhà văn lớn từ Dante đến Cervantes,

Từ Shakespeare đến Milton, từ Goethe đến Voltaire, và ông đã đọc nhiều về văn học Châu Âu đương thời. “Tôi yêu Châu Âu với cả tấm lòng”, ông nói, và tình yêu này đã được nâng cao bằng kiến thức lẫn trực giác. Ông đã đưa âm nhạc vào những vở kịch theo thứ tự từ Đứcc Quốc thời trung cổ (*The Covetos Knight*) đến Tô Cách Lan thời phục hưng (*The Feast During The Plague*), từ Ý Đại Lợi (*Angelo*) hoặc từ Tây Ban Nha của thời toà án dị giáo (*The Stone Guest*) đến Áo Quốc thế kỷ thứ 18. Dostoevsky tuyên bố rằng khả năng của Pushkin nhận xét về con người, là một đặc điểm Nga điển hình. Là một người Nga thực sự, người ta phải đấu tranh cho nhân loại và hiểu tất cả các dân tộc khác của Châu Âu.

Trong mọi trường hợp, Pushkin xem xét thận trọng để diễn tả ý thức dân tộc. Sự quan tâm của ông về lịch sử Nga, từ *Boris Godunov* đến *The Captain's Daughter*, chứng tỏ ông bị ám ảnh về vấn đề số phận của đất nước ra sao. Ông đã

tuyên bố chính ông là người bảo vệ kiên trì công cuộc cải cách của đại đế Peter. Trong Poltava, ông đã phác họa Peter như là vị Á Thần Chiến Thắng. Trong Bronze Horseman (1833), một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nga ở thế kỷ 19, ông mô tả hình ảnh của vị đại đế với bức tượng Peter đang cưỡi ngựa, được dựng bên bờ sông Neva. Con ngựa đứng bằng đôi chân sau của nó, sẵn sàng phóng tới, người kỵ sĩ giữ chặt dây cương, được so sánh với việc Sa Hoàng đang nắm vận mệnh nước Nga. Bài thơ mô tả trận lụt năm 1824, đe dọa nhận chìm St. Peterburg, và phá hoại hạnh phúc của một công nhân tên Eugene. Trong lúc quẫn trí, Eugene đã thách đấu với đại đế Peter. Anh ta thấy bức tượng đồng đuổi theo mình qua những con đường ngập nước của thủ đô Rồi sau đó anh ta bỏ mình trong một cơn ác mộng. Một cách tượng trưng, Peter, người đã bắt chấp Thượng Đế và thiên nhiên, để rồi chiến thắng và khuất phục một cá nhân, đem lại vinh quang cho đất nước. Tấn bi kịch của một con người nhỏ bé trong cuộc tranh đấu tuyệt vọng với vận mệnh lịch sử, dưới ngòi bút của Pushkin, đã được định đoạt để trở nên một trong những chủ đề chính của văn học Nga.

Pushkin thấy nước Nga là một tổng thể và tin vào tương lai của nó. Là một thi sĩ có tinh thần dân tộc, một nhà cải cách nền thi ca, Pushkin đã trở nên hiện thân

của tiềm lực quốc gia, đã chấp nhận và ra sức đồng hóa di sản Tây Phương, đã làm phong phú di sản này với kết quả mỹ mãn.

Đại đế Peter đã bắc một nhịp cầu giữa nước Nga và Châu Âu bằng vật chất, Pushkin đã làm công việc ấy bằng tinh thần và nghệ thuật. Là một thi sĩ hàng đầu của nước Nga, ông cũng là một nhà văn của nhân loại, nổi tiếng và có tầm ảnh hưởng sâu rộng.

Chú thích:

*Những chữ in nghiêng trong bài là những tác phẩm của Pushkin được dịch sang Anh Ngữ

(1) **The Decembrists:** Tên một tổ chức nổi dậy chống lại sự cai trị hà khắc của Sa Hoàng Nicolas Đệ Nhất vào ngày 14/12/1825.

(2) **Thời Kỳ Phục Hưng (The Renaissance)** Thời kỳ làm sống lại nghệ thuật và văn học ở thế kỷ 14,15 và 16 tại Châu Âu dựa trên các hình thức cổ điển.

(3)**Thời Kỳ Ánh Sáng (The Enlightenment):** Thời kỳ ở thế kỷ 18 tại Châu Âu khi một vài nhà tư tưởng và nhà văn tin rằng lý trí và khoa học, chứ không phải tôn giáo, sẽ thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại

NGUYỄN KINH BẮC
(Philadelphia)